THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Biên soạn: HUYỀN THANH

Thích Ca Mâu Ni, tên Phạn là Śākya-muṇi dịch âm là Thích Ca Văn Ni, Xả Ca Dạ Mâu Ni, Thích Ca Mâu Nẵng, Thích Ca Văn…. lược xưng là Thích Ca, Mâu Ni, Văn Ni. Dịch ý là Năng Nhân, Năng Nhẫn, Năng Tịch, Tịch Mặc, Năng Mãn. Hoặc xưng là Thích Ca Tịch Tĩnh. Lại xưng là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi) lại được dịch là **Năng Nhân Tịch Mặc** trong đó **Năng Nhân** (Śākya) là dòng họ Thích Ca và **Tịch Mặc** (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, do **Năng Nhân** cho nên chẳng trụ ở Niết Bàn. **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác, do **Tịch Mặc** cho nên chẳng trụ ở sinh tử. Như vậy Hồng danh **Thích Ca Mâu Ni** biểu thị cho Bi Trí kèm vận, Chân Tục song dung, Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi-buddha) là Đức Phật thứ tư trong đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa) tại Thế Giới **Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) và là Đấng mở bày con đường **Chính Pháp Giải Thoát** hóa độ chúng sinh, hình thành Phật Giáo ngày nay.



Vào khoảng hơn 500 trước Tây Lịch, Ngài giáng sinh làm con trai của vua **Tịnh Phạn** (Śuddhodana) với hoàng hậu **Ma Gia** (Mahā-māyā) tại thành **Ca Tỳ La Vệ** (Kapilavastu) ở Bắc Ấn Độ. Họ là **Kiều Đáp Ma** (Gautama), tên là **Tất Đạt Đa** (Siddhārtha).



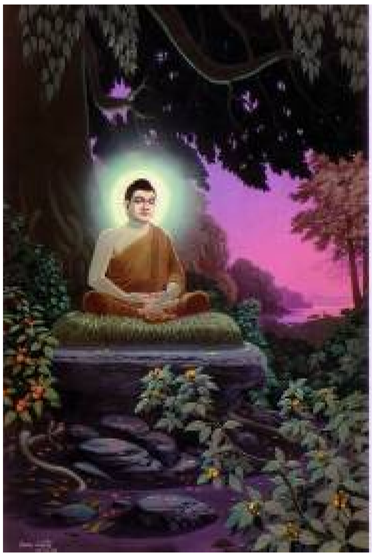
Từ nhỏ, Ngài đã cảm nhận được sự vui thú của nhân gian đều là vô thường, thấu hiểu sâu sắc sự đau khổ của **sinh già bệnh chết** nên luôn phát Tâm tìm con đường thoát khổ.



Năm 29 tuổi (có nơi ghi là 19 tuổi) Ngài từ biệt người vợ xinh đẹp là **Gia Du Đà La** (Yaśodhara) với con trai thân yêu là **La Hầu Ha** (Rāhula), ban đêm lén rời khỏi cung vua, cởi bỏ áo mão vương gia, xuất gia làm **Sa Môn** (Śramaṇa).



Sau 6 năm khổ hạnh, Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, quyết tâm nếu không chứng được Đạo **Vô Thượng Bồ Đề** thì không rời khỏi chỗ ngồi này. Trải qua 7 ngày (có chỗ nói là 49 ngày) vào lúc sáng sớm, nhìn thấy sao Mai liền chứng đạt được sự giác ngộ hoàn toàn viên mãn và được tôn xưng là **Thích Ca Mâu Ni** nghĩa là bậc Hiền Thánh của dòng tộc Thích Ca.



Khi đắc Đạo xong, đầu tiên Đức **Thích Tôn** đến vườn **Nai** (Mṛgadāva:Lộc Dã Viên) độ cho 5 anh em **Kiều Trần Như** (Ājñātakauṇḍinya).



Sau đó Ngài đến thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) hóa độ cho ba anh em **Ca Diếp** là: **Ưu Lâu Tần Lễ Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), **Già Gia Ca Diếp** (Gayā-kāśyapa), **Na Đề Ca Diếp** (Nadī-kāśyapa) thuộc Ngoại Đạo thờ lửa...nhân đấy danh tiếng của Ngài vang dội khắp nơi. Tiếp theo, Ngài độ cho **Tần Bà La Sa** (Bimbisāra) là vua nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha), rồi tiếp đến hóa độ cho **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-maudgalyāyana)… Ba năm sau, Ngài trở về quê nhà, độ cho phụ vương **Tịnh Phạn** (Śuddhodana), di mẫu **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** (Mahāprajāpatī), các em nội ngoại là **A Nan** (Ānanda), **Nan Đà** (Nanda), **A Na Luật** (Anirudha) và con trai Ngài là **La Hầu La** (Rāhula)...Đến đây giáo đoàn của Đức Thích Ca đã hình thành vững chắc

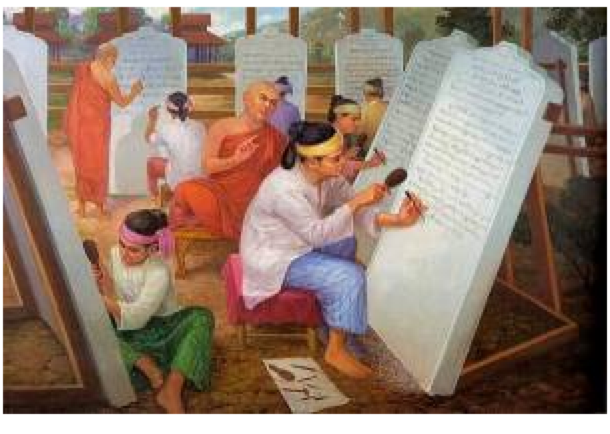
Trọn 45 năm, Đức Phật thường hoằng Pháp độ sinh ở các nước dọc theo hai bờ **sông Hằng** (Gaṅga) là **Ma Kiệt Đà** (Magadha), **Kiều Tát La** (Kauśala), **Tỳ Xá Ly** (Vaiśali) không hề ngưng nghỉ

Trong thời gian này Đức Phật được sự ủng hộ nhiệt tình của các vua **Tần Bà Sa La** (Bimbisāra), **Ba Tư Nặc** (Prasenajit), **A Xà Thế** (Ajātaśatru) với rất nhiều Tín Chúng…cho nên nhiều Tinh Xá được xây dựng ở các nơi. Đặc biệt có Tinh Xá **Trúc Lâm** (Veṇuvana-vihāra) ở nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha), Tinh Xá **Kỳ Viên** (Jetavana Anāthapiṇḍada-ārāma) ở nước **Xá Vệ** (Śrāvastya) và Tinh Xá **Đại Lâm** (Mahā-vana) ở nước **Tỳ Xá Ly** (Vaiśali)

Đến năm 80 tuổi, Ngài nhập vào **Niết Bàn** (Nirvāṇa) dưới hai cây **Sa La** (Śāla) bên bờ sông **Bạt Đề** (Ajitavatī) tại thành **Câu Thi Na La** (Kuśinagara) trong nước **Mạt La** (Malla)



Sau khi Đức Phật nhập diệt, Tôn Giả **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa) với các Đệ Tử ở thành Vương Xá đã kết tập các lời giảng dạy của Ngài thành Kinh Bản qua sự đọc tụng ghi nhớ. Từ đó về sau dần dần hình thành ba Tạng **Kinh** (Sūtrānta-piṭaka), **Luật** (Vinaya-piṭaka)**, Luận** (Abhidharma-piṭaka) bằng chữ viết và lưu truyền cho đến ngày nay



TÔN TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được tôn phụng qua bốn loại hình tượng là: tượng đứng, tượng ngồi, tượng dựa và tượng nằm

1_Tượng đứng:

.) Tượng Bồ Tát Đản Sinh:



.) Tượng Bồ Tát Đản Sinh được Rồng phun nước tắm (tượng Cửu Long)



.) Tượng Phật kết Thí Vô Úy Ấn (Abhaya-mudrā)



.) Tượng Phật kết **Đắc Giáo Nghĩa Ấn** (Sandarśana-mudrā: Đắc Chiếu Kiến Ấn)



.) Tượng Phật kết **Dữ Nguyện Ấn** (Vara-mudrā:Thắng Diệu Ấn, Nguyện Vọng Ấn)



.) Tượng Phật kết **An Ủy Ấn** (Śvasa-mudrā):



.) Tượng Phật kết **Giải Thuyết Ấn** (Vyākhyāna--mudrā):



.) Tượng Phật với Thủ Ấn khác



3_ Tượng ngồi:

.) Tượng Khổ Hạnh:



.)Tượng Phật kết **Thiền Định Ấn** (Dhyāna-mudrā):



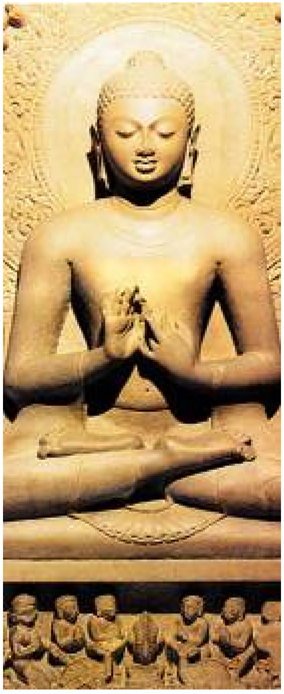




.) Tượng Phật kết **Pháp Luân Ấn** (Dharma-cakra-mudrā):







.)Tượng Phật kết **Giáo Hóa Ấn** (Vitarka-mudrā)









.) Tượng Phật kết **Thần Biến Ấn** (Prātihārya-mudrā)





.) Tượng Phật kết **Xúc Địa Ấn** (Bhūmi-sparsh-mudrā)







.) Tượng Phật kết **Đắc Giáo Nghĩa Ấn** (Sandarśana-mudrā: Đắc Chiếu Kiến Ấn)



.) Tượng Phật kết **Thí Vô Úy Ấn** (Abhaya-mudrā)



.) Tượng Phật kết một số Thủ Ấn khác









3_Tượng dựa:







4_Tượng nằm:
.)Tượng nằm nghỉ:



.) Tượng vào Niết Bàn





Hiện nay tại **Miến Điện**, đồ chúng Phật Giáo còn lưu giữ các Tôn Tượng của Đức Phật với nhiều dạng thức kết Thủ Ấn khác nhau.



1_ Vyākhyāna-mudrā: Giải Thuyết Ấn
2_Padma-hasta-mudrā: Liên Hoa Thủ Ấn
3_Uttara-bodhi-mudrā: Vô Thượng Bồ Đề Ấn



4_Tarjanī-mudrā: Kỳ Khắc Ấn
5_Dana-mudrā: Bố Thí Ấn
6_Vismaya-mudrā: Kỳ Đặc Tưởng Ấn
7_Santida-mudrā:



8_Buddha-patta-mudrā:
9_Triṇa-kiraṇa-mudrā: Thảo Phóng Ấn (Ấn phát cỏ)
10_Cin-mudrā



11_Vajra-hūṃ-kara-mudrā: Kim Cương Hồng Ca La Ấn
12_Samāhita-mudrā: Đẳng Dẫn Ấn
13_Prātihārya-mudrā: Thần Biến Ấn, Thần Lực Ấn



14_Bhūtadamara-mudrā:
15_Pustaka-mudrā: Kinh Điển Ấn
16_Trailokya-vijaya-mudrā: Giáng Tam Thế Ấn



17_Hazana-mudrā:
18_Bhūmi-sparsh-mudrā: Xúc Địa Ấn
19_Tripaṭaka-hasta-mudrā: Tam Tạng Thủ Ấn



20_Abhaya-mudrā: Thí Vô Úy Ấn
21_Karaṇa-mudrā: Sự Nghiệp Ấn, Năng Thành Biện Ấn



22_Dhyāna-mudrā: Thiền Định Ấn
23_Vitarka-mudrā: Giáo Hóa Ấn



24_Kaṭaka-mudrā: Hoàn Xuyến Ấn
25_Sandarśana-mudrā: Đắc Giáo Nghĩa Ấn, Đắc Kiến Chiếu Ấn



26_Amida-mudrā:
27_Saṃdarśa-mudrā: Khai Thị Ấn



28_Dharma-cakra-mudrā: Pháp Luân Ấn
29_Jñāna-mudrā: Trí Ấn



30_Siṃha-karṇa-mudrā: Sư Tử Nhĩ Ấn
31_Buddha-śramaṇa-mudrā: Phật Sa Môn Ấn
32_Patra-mudrā: Bát Ấn



33_ Kāruṇa-mudrā: Bi Ấn
34_
35_Varada-mudrā: Thí Nguyện Ấn
36_Vara-mudrā: Dữ Nguyện Ấn, Thắng Diệu Ấn, Nguyện Vọng Ấn

Ngoài 4 loại Tôn Tượng trên, Đức Phật Thích Ca còn được phụng thờ chung với chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng qua nhiều dạng thức khác nhau.

_ **Tam Thế Phật**: tức là Phật của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây là đối tượng sùng kính chủ yếu của Phật Giáo Bắc Truyền, thông thường được xưng là **Tam Bảo Phật**.

Nếu nhằm chỉ Thể Tính chân thật sáng tỏ màu nhiệm luôn tồn tại khắp không gian và xuyên suốt thời gian của các đức Phật thì **Tam Thế Phật** được xưng tụng là **Tam Thế Thường Trụ Diệu Pháp Thân**. Trong dạng thức này thì Tôn Tượng Tam Thế Phật được minh họa qua 3 Đức Phật với hình tướng giống hệt nhau



_Căn cứ theo Triết Học của Ấn Độ thì thời gian và không gian được trộn lẫn với nhau. Do đây, nếu dùng thời gian để tính toán thì có **Tung Tam Thế Phật** (Phật ba đời theo chiều dọc), nếu dùng không gian để tính toán thì có **Hoành Tam Thế Phật** (Phật ba đời theo chiều ngang)

Tung Tam Thế Phật được phụng thờ qua ba Đức Phật là: Quá khứ **Nhiên Đăng Phật** (Dipaṃkara-buddha), Hiện Tại **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākyamuṇi-buddha), Vị Lai **Di Lặc Phật** (Maitreya-buddha).





Cũng có thuyết cho rằng **Hoành Tam Thế Phật** gồm có: Quá Khứ **Ca Diếp Phật** (Kāśyapa-buddha), Hiện Tại **Thích Ca Mâu Ni Phật**, Vị Lai **Di Lặc Phật**





Hoành Tam Thế Phật được phụng thờ qua ba Đức Phật là: Đông Phương **Dược Sư Phật** (Bhaiṣaijya-guru-buddha), Trung Ương **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākyamuṇi-buddha), Tây Phương **A Di Đà Phật** (Amitāyus-buddha:Vô Lượng Thọ Phật)









Đông Phương Dược Sư Phật chủ quản Thế Giới **Tịnh Lưu Ly** (Vaiḍurya-prabhsa) ở phương Đông. Ngài có hai vị Bồ Tát theo hầu là **Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát** (Sūrya-prabha-vairocana-bodhisatva, hay Sūrya-prabha-bodhisatva: Nhật Quang Bồ Tát), **Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát** (Candra-prabha-vairocana-bodhisatva, hay Candra-prabha-bodhisatva: Nguyệt Quang Bồ Tát) và được tôn xưng là **Đông Phương Tam Thánh**, hay **Dược Sư Tam Tôn**. Vì Đức Phật Dược Sư có Thệ Nguyện trợ giúp cho người đời được tiêu tai, kéo dài tuổi thọ, trừ khử bệnh tật… cho nên mục đích chủ yếu của nhân sinh là lễ cúng Ngài để cầu mong được an vui ngay trong đời hiện tại



Trung Ương Thích Ca Mâu Ni Phật chủ quản Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) ở trung ương. Ngài có hai vị Bồ Tát theo hầu là Đại Trí **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva), Đại Hạnh **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva) và được tôn xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**, hay **Thích Ca Tam Tôn**. Ngài là đấng giáo hóa cho Thế Giới này, là Giáo Chủ của Phật Giáo. **Pháp Thân** (Dharma-kāya)

của Ngài là **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)… cho nên mục đích chủ yếu của nhân sinh là lễ cúng Ngài để cầu mong được thấu hiểu Chính Pháp Giải Thoát sinh tử



Tây Phương A Di Đà Phật chủ quản Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) ở phương Tây. Ngài có hai vị Bồ Tát theo hầu là Đại Bi **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva), Đại Lực **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva) và được tôn xưng là **Tây Phương Tam Thánh**, hay **Di Đà Tam Tôn**. Do Ngài có nguyện lực đưa dẫn chúng sinh đến Thế Giới Cực Lạc, thoát lìa nạn khổ luân hồi, cho nên Ngài cũng có Hiệu là **Tiếp Dẫn Phật**. Nhân Đức Phật này có Thọ Mệnh và ánh sáng vô lượng nên cũng được xưng là **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha), **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha)… cho nên mục đích chủ yếu của nhân sinh là lễ cúng Ngài để cầu mong sau khi chết thì được sinh về Thế Giới Cực Lạc



Giới Phật Giáo có nói Pháp ghi nhận **Hoành Tam Thế Phật** là đồng một Đức Phật, chẳng qua vì muốn cứu độ chúng sinh nên hiện ra **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) chẳng đồng nhau

Như Lai Uyên Nguyên Khảo ghi nhận là: "Vì sao **Di Đà** được nói là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)? Do ban bố thuốc men ắt được tuổi thọ vô lượng, đây tức là Pháp kéo dài tuổi thọ (diên thọ) của Dược Sư Như Lai. Vì sao **Di Đà** được nói là **Vô Lượng Quang** (Amitābha)? Vì **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha) tức là ánh sáng vô lượng. Cho nên biết chư Phật đồng Thể khác tên, đều vì chúng sinh mà khéo léo hóa hiện vậy"

_Nhằm nhấn mạnh Chính Pháp Giải Thoát của chư Phật được tiếp hiện từ đời này qua đời khác nên giáo đồ Phật Giáo còn thờ phụng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chung với **Đa Bảo Như Lai** (Prabhūta-ratna-tathāgata) hoặc 6 Đức Phật ở thời quá khứ

.) Tôn Tượng của hai Đức Phật Đa Bảo và Thích Ca Mâu Ni





.) Thất Phật Man Đa La:

Bảy Đức Phật gồm có 3 Đức Phật trong **Trang Nghiêm Kiếp** (Vyūha-kalpa) ở đời quá khứ với 4 Đức Phật trong **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa) ở đời hiện tại.

Kinh **Trường A Hàm, quyển 1** ghi chép là: Gom chung với quá khứ thì có 7 Đức Phật

1_ **Tỳ Bà Thi Phật** (Vipaśyīn-buddha):

Tỳ Bà Thi (Vipaśyīn) dịch ý là **Thắng Quán**. Do Đức Phật ấy như trăng tròn, Trí mãn cho nên nói là **Biến Kiến (**nhìn thấy khắp). Vì **Phách** (thể vía) hết, **Hoặc** (phiền não) tan nên nói là **Tịnh Quán.** Đã tròn trịa lại trong sạch, nên nói là **Thắng Quán, Thắng Kiến**. Đây là vị đầu tiên trong 7 Đức Phật.

2_ **Thi Khí Phật** ('Sikhìn-buddha):

Thi Khí ('Sikhìn) dịch ý là **lửa** (hỏa), lại nói là **Trì Kế** (giữ gìn búi tóc). Ấy là Trí không có phân biệt, tối vi tôn thượng, nơi chốn ở **đỉnh của Tâm** (tâm đỉnh). Sau Đức Phật **Tỳ Bà Thi** 30 Kiếp thời vị này được thành **Chính Giác**

3_ **Tỳ Xá Phù Phật** (Vi'svabhù-buddha):

Tỳ Xá Phù (Vi'svabhù): dịch ý là **Biến Nhất Thiết Tự Tại** (Khắp tất cả tự tại). Ấy là chặt đứt hết phiền não, ở tất cả nơi chốn không có chỗ nào chẳng tự tại. Đây là Đức Phật cuối cùng trong một ngàn Đức Phật ở **Trang Nghiêm Kiếp**

4_ **Câu Lưu Tôn Phật** (Krakucchanda-buddha):

Câu Lưu Tôn (Krakucchanda) dịch ý là **Sở Ứng Đoạn** (Chặt đứt chỗ cần chặt). Ấy là chặt đứt tất cả phiền não, dứt hẳn hết không có dư sót. Trong Kiếp giảm ở đời **Hiền Kiếp**, khi tuổi thọ của con người giảm đến sáu vạn tuổi thời Ngài ra đời thành Phật, là vị đầu tiên trong một ngàn Đức Phật đời Hiền Kiếp

5_ **Câu Na Hàm Mâu Ni Phật** (Kanaka-muṇi-buddha):

Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanaka-muṇi) dịch ý là **Kim Tịch** (sự lặng yên của vàng). Ấy là **vàng** (Kanaka:Kim) tức hiện sáng tỏ, **Tịch** (Muṇi) tức là không có ngăn ngại.

Đại Trí Độ Luận nói: “Lại gọi là **Ca Già Na Ca Già Mâu Ni**, tiếng Hoa nói là **Kim Tiên Nhân** vì thân thể có màu vàng ròng vậy”

Khi tuổi thọ của con người giảm đến bốn vạn tuổi thời Ngài ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) ra đời thành Phật

6_ **Ca Già Diệp Phật** (Kà'syapa-buddha):

Ca Già Diệp (Kà'syapa) lại dịch âm là **Ca Diếp**, dịch ý là **Ẩm Quang** (uống ánh sáng. Ấy là thân thể tỏa ra ánh sáng rực rỡ, hay uống che tất cả ánh sáng. Khi tuổi thọ của con người giảm đến hai vạn tuổi thời Ngài ra đời thành Phật.

7_ **Thích Ca Mâu Ni Phật** ('Sàkyamuṇi-buddha):

Thích Ca Mâu Ni ('Sàkyamuṇi) dịch ý là **Năng Nhân Tịch Mặc**. Do **Tịch Mặc** (Muṇi) cho nên chẳng trụ ở sinh tử, do **Năng Nhân** ('Sàkya) cho nên chẳng trụ tại **Niết Bàn** (Nirvāṇa). Do chuyển vận **Bi** (Kāruṇa) **Trí** (Jñāna) song song, lợi vật không cùng tận cho nên dựng lập tên Hiệu này vậy. Khi tuổi thọ của con người giảm đến một trăm tuổi thời Ngài ra đời, là Đức Phật thứ tư trong đời Hiền Kiếp.

Trong Kinh Văn của **Cao Vương Quán Thế Âm Chân Kinh** có ghi **Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn** là:

"Ly bà, ly bà đế, cầu ha, cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, tỳ lê ni đế, ma hà già đế, chân lăng càn đế, thoa cáp"

(**Repa repate, kuha kuhate, tranite, nigala rite, vima rite, mahā gate, śantiṃ kṛte, svāhā**)

Chân Ngôn này trích từ **Đại Phương Đẳng Đà La Ni Kinh**. Đức Thế Tôn nhân vào sự thỉnh cầu của **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử** (Maṃjuśī-dharma-rāja-putra) nói câu Chú mà bảy Đức Phật quá khứ đã từng tụng qua. Nếu một người gây tạo bốn tội nặng, năm tội Nghịch thời chẳng những đời sau chịu khổ báo rất lớn mà đời này cũng chẳng được bình yên. Vì muốn tiêu diệt hết tội chướng đã gây, nên rất thích hợp trì tụng **Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn**



_ Hệ Thống Phật Giáo còn thờ phụng Đức Phật Thích Ca chung với hai vị Tôn Giả là **Đại Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), **A Nan** (Ānanda) nhằm nhắc nhở các đồ chúng Phật Giáo luôn luôn ghi nhớ và thực hiện Chính Pháp giải thoát, lợi mình lợi người, lìa khổ được vui, chuyển mê khai ngộ



_Phật Giáo Đông Độ nhận định rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Giáo Chủ của Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) hiện tại. Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara) có hạnh nguyện **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) luôn quán sát lắng nghe âm thanh cầu cứu của chúng sinh liền hóa hiện vô số Hóa Thân đến cứu khổ. Bồ Tát **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha) đã nhận lời phó chúc của Đức Phật Thích Ca, ở trong thời đại không có Phật cho đến lúc Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) thành Đạo, Ngài sẽ làm vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi ở cõi Sa Bà này thì mới thành tựu **Nguyện** (Praṇidhāna) của mình. Vì thế mới thiết lập tượng thờ Đức Phật Thích Ca chung với hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Địa Tạng và hợp xưng là **Sa Bà Tam Thánh** (hay Ta Bà Tam Thánh).



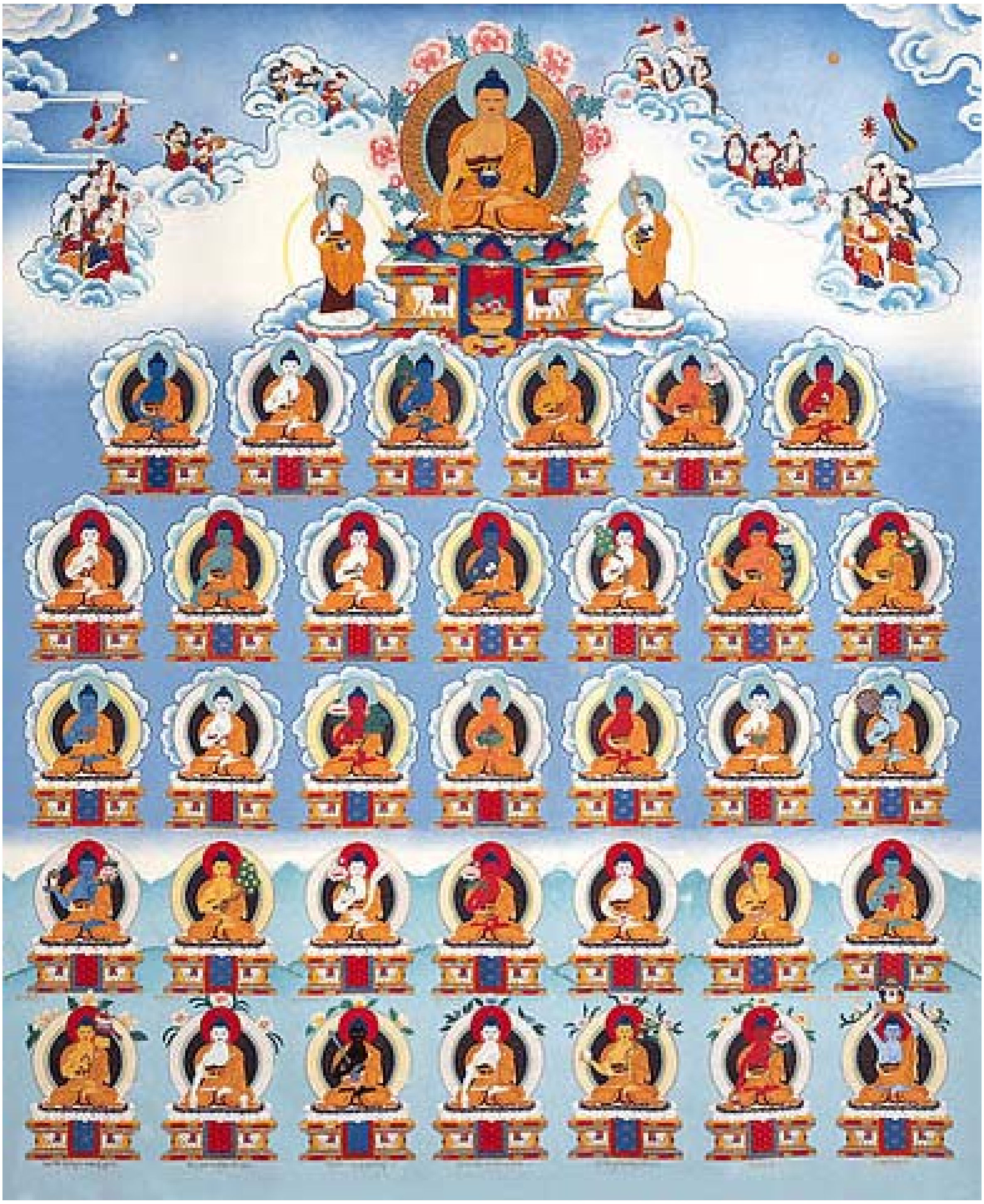




Do tâm lý của giáo đồ Phật Giáo phương Đông, khi sống gặp nạn khổ thì mong cầu vào sự cứu giúp của Bồ Tát Quán Thế Âm, khi chết đi thì trông cậy vào sự hóa độ của Bồ Tát Địa Tạng… thế nên Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** được phổ truyền rất rộng rãi trong dân gian, có ảnh hưởng rất sâu rộng trong đời sống văn hóa và tâm linh của người đời.

_Ngoài ra Tôn Tượng Thích Ca Mâu Ni còn được thờ phụng chung với 7 Đức Phật Dược Sư, hoặc 34 Đức Phật, hoặc 87 Đức Phật trong **Hồng Danh Bảo Sám**






八十八佛

_Mật Tông Phật Giáo thờ phụng Đức Phật Thích Ca chung với tám vị Bồ Tát qua Đàn Pháp được xưng là **Bát Đại Bồ Tát Man Đa La**:

Kinh **Bát Đại Bồ Tát Mạn Trà La** ghi rằng: "Này Thiện Nam Tử ! Có **Bát Đại Mạn Trà La** là Pháp Yếu thâm sâu của tám vị Đại Bồ Tát. Nếu có hữu tình y theo Pháp xây dựng Bát Đại Mạn Trà La này một lần thì hết thảy tội: mười Ác, năm Nghịch, phỉ báng Kinh **Phương Đẳng**…thảy đều tiêu diệt, tất cả Nghĩa Lợi, Thắng Nguyện đã mong cầu đều được thành tựu .

Liền ở trong Mạn Trà La (Maṇḍala) tưởng Đức Như Lai với thân sắc màu vàng ròng có đủ 32 Tướng, ngồi trên đài hoa sen.



Như Lai Mật Ngôn là:
Oṃ_ mahā-vīra svāhā

Liền tưởng **Thánh Quán Tự Tại** (Ārya-Avalokiteśvara) trong Mạn Trà La với thân màu đỏ, tay trái cầm hoa sen, tay phải tác **Thí Nguyện**, trong mão báu trên đầu có Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus)



Quán Tự Tại Bồ Tát Mật Ngôn là:
Hūṃ Hrīḥ Haḥ padma-śrīye svāhā

Ở phía sau Quán Tự Tại Bồ Tát, tưởng **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya) với thân màu vàng, tay trái cầm bình Quân Trì, tay phải tác **Thí Vô Úy**, trong mão có cái tháp **Tốt Đổ Ba** (Stūpa), ngồi Bán Già



Di Lặc Bồ Tát Mật Ngôn là:
Mehaḥ raṇa svāhā

Ở sau lưng Đức Phật, tưởng **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha), tay trái cầm báu để ở trên trái tim, tay phải ban bố, tuôn ra vô lượng báu.



Hư Không Tạng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Āḥ garbhāya svāhā

Bên trái Hư Không Tạng Bồ Tát, tưởng **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) đội mão Ngũ Phật, thân màu vàng, tay phải cầm cây kiếm, tay trái **Thí Nguyện**, ngồi Bán Già.



Phổ Hiền Bồ Tát Mật Ngôn là:
Hrīḥ jaya svāhā

Ở bên trái Đức Như Lai, tưởng **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi) tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái an ở háng, đội mão Ngũ Phật, thân màu xanh, ngồi Bán Già.



Kim Cương Thủ Bồ Tát Mật Ngôn là:
Oṃ_ Vaṃ rava svāhā

Ở phía trước Kim Cương Thủ Bồ Tát, tưởng **Mạn Thù Thất Lợi Đồng Chân Bồ Tát** (Maṃjuśrī-kumāra-bhūta) có năm búi tóc, hình Đồng Tử, tay trái cầm hoa sen xanh, trong hoa có chày Ngũ Cổ Kim Cương, tay phải tác **Thí Nguyện**, thân màu vàng, ngồi Bán Già.



Văn Thù Bồ Tát Mật Ngôn là:
Śrī aragha svāhā

Ở bên phải Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát, tưởng **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Nirvaṇa-viṣkaṃbhin) thân màu vàng, tay trái cầm cây phướng Như Ý, tay phải **Thí Nguyện**, ngồi Bán Già.



Trừ Cái Chướng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Nirvaraṇa svāhā

Ở phía trước Như Lai, tưởng **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha) với mão trên đầu, Anh Lạc, diện mạo vui vẻ tịch tĩnh, thương nhớ tất cả hữu tình, tay trái để dưới rốn, nâng cái bát, úp lòng bàn tay phải hướng xuống dưới với ngón cái vịn ngón trỏ, tưởng tác an ủi tất cả hữu tình .



Địa Tạng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Kṣaḥ hāra jaḥ svāhā

_Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì tám vị Đại Bồ Tát: Di Lặc, Quán Âm, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Hư Không Tạng, Trừ Cái Chướng, Kim Cương Thủ … biểu thị cho việc chuyển hóa **tám Thức** (Aṣṭau-vijñānāni) của chúng sinh thành Tướng thanh tịnh màu nhiệm. Trong đó

Di Lặc Bồ Tát (Maitreya-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Nhãn Thức** (Cakṣur-vijñānaṃ)

Quán Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Nhĩ Thức** (Śrotra-vijñānaṃ)

Địa Tạng Bồ Tát (Kṣiti-garbha-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Tỵ Thức** (Ghrāṇa-vijñānaṃ)

Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Thiệt Thức** (Jihvā-vijñānaṃ)

Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Thân Thức** (Kāya-vijñānaṃ)

Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Ý Thức** (Mano-vijñānaṃ)

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nirvaraṇa-viṣkaṃbhin) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Mạt Na Thức** (Manas-vijñānaṃ)

Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajra-pāni-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñānaṃ)

Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì Kim Cương Thủ Bồ Tát chính là **thân phẫn nộ** (Krodha-kāya) của **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva)

1_ Di Lặc Bồ Tát: Hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen bên trái có Pháp Luân, trên hoa sen bên phải có cái bình báu làm dấu hiệu



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Di Lặc Bồ Tát có thân hình màu vàng, hai tay tác Ấn **Chuyển Pháp Luân** đều cầm hoa sen, đỉnh đầu đội cái bình làm biểu tượng



2_ Quán Âm Bồ Tát: Tay trái cầm hoa sen, vai trái khoác da hươu. Úp bàn tay phải đè trên đầu gối phải



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Quán Âm Bồ Tát có thân hình màu trắng, vai trái khoác da hươu, tay trái cầm hoa sen, ngửa tay phải trên đầu gối phải tác **Dữ Nguyện Ấn**



3_Địa Tạng Bồ Tát: Tay trái kết **Quy Ấn**, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có báu Ma Ni



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Địa Tạng Bồ Tát có thân hình màu vàng, tay trái co trước ngực tác **Cát Tường Ấn** cầm hoa sen, ngửa tay phải ở đầu gối phải cầm quả trái



4_Văn Thù Bồ Tát: Hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen của tay phải có cây kiếm Trí Tuệ, trên hoa sen của tay trái có Kinh Thư



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Văn Thù Bồ Tát có thân màu vàng, hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen của tay phải có cây kiếm Trí Tuệ, trên hoa sen của tay trái có Kinh Thư. Ngồi Kiết Già trên tòa sen



5_Phổ Hiền Bồ Tát: Tay trái ở trước ngực tác **Thí Dữ Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trời chiếu khắp chúng sinh trong đời Hiền Kiếp



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Phổ Hiền Bồ Tát có thân hình màu đỏ hồng, co tay phải trước ngực, duỗi tay trái đè trên tòa sen và cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trời



6_Hư Không Tạng Bồ Tát: Tay trái tác **Quy Y Ấn**, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có cây kiếm báu chỉ hướng lên trên hư không



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Hư Không Tạng Bồ Tát có thân hình màu xanh lam nhạt, hai tay tác **Thuyết Pháp Ấn**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cây kiếm báu tỏa lửa rực, chỉ hướng lên trên hư không



7_Trừ Cái Chướng Bồ Tát: Tay trái ở trước ngực tác **Quy Y Tam Bảo Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trăng trong mát diệt hết chướng ngại nóng bức phiền não của chúng sinh. Úp tay phải đè cổ tay trên đầu gối phải



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Trừ Cái Chướng Bồ Tát có thân hình màu trắng, co tay trái ở trước ngực tác **Quy Y Tam Bảo Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trăng trong mát diệt hết chướng ngại nóng bức phiền não của chúng sinh. Ngửa tay phải trên đầu gối phải cầm cái bình báu



8_Kim Cương Thủ Bồ Tát: Tay phải ở trên đầu gối phải tác **Bố Thí Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có chày Kim Cương làm trang nghiêm. Úp tay trái che trên đầu gối trái



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Kim Cương Thủ Bồ Tát có thân hình màu xanh lam đậm, tay trái co trước ngực cầm chày Kim Cương, duỗi bàn tay trái đè trên tòa sen



Khi tám vị Đại Bồ Tát này được an bày chung quanh Đức Phật thì được xưng là **Bát Đại Bồ Tát Man Đa La**



释迦牟尼佛与八大菩萨

Nếu có hữu tình y theo Pháp xây dựng Bát Đại Bồ Tát Man Đa La này một lần thì hết thảy tội: mười Ác, năm Nghịch, phỉ báng Kinh **Phương Đẳng**…thảy đều tiêu diệt, tất cả Nghĩa Lợi, Thắng Nguyện đã mong cầu đều được thành tựu .

_**Thích Ca Văn Phật Kim Cương Nhất Thừa Tu Hành Nghi Quỹ Pháp** ghi nhận Man Đa La phụng thờ Đức Phật Thích Ca với bốn vị Bồ Tát: Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Âm, Di Lặc như sau:

"Nếu muốn báo ân đức của Đức Thế Tôn Vô Thượng. Trước tiên nên làm Mạn Trà La. Chính giữa Đàn vẽ tượng **Thích Ca Mâu Nẵng**, thân màu vàng ròng có đủ 32 tướng, mặc áo Cà Sa với tướng **Ứng Thân nói Pháp**. Tay phải kết Ấn Cát Tường, tay trái hướng lên trên để trước rốn, ngồi Kiết Già trên đài hoa sen trắng. **Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Âm, Di Lặc** trụ ở 4 góc như Thai Tạng nói. Ở trước mặt Phật có **Như Lai**

Bát (Bình Bát của Như Lai), ở bên phải Phật có **Hiền Bình** chứa đầy hoa, ở phía sau Phật có cây **Tích Trượng**, ở bên trái Phật có cái **Loa báu** đều để trên cánh hoa, chung quanh tỏa lửa sáng”.

1_ Thích Ca Mâu Ni Như Lai (Śākya-muṇi):

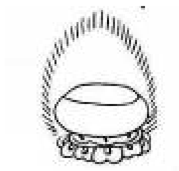
Trong Man Đa La này thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trung ương tượng trưng cho **Ứng Thân nói Pháp**



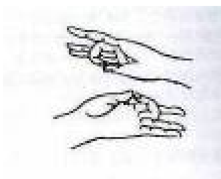
Chữ chủng tử là: BHAḤ (𑖥𑖾)

Mật Hiệu là: **Tịch Tĩnh Kim Cương.** Biểu thị cho sự xa lìa khỏi 5 Độc của Thế Gian

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình bát.



Tướng Ấn là: Kết Cát Tường Ấn hoặc Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

2_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra-bodhisatva)

Lại xưng là Biến Cát Bồ Tát, ý là đầy đủ vô lượng Hạnh Nguyện, thị hiện ở khắp tất cả Bồ Tát của cõi Phật.

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 1 ghi là: "Phổ Hiền Bồ Tát. **Phổ** (Samanta) nghĩa là khắp tất cả nơi chốn, **Hiền** (Bhadra) nghĩa là Tối Diệu Thiện. Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị cho sự đã khởi Hạnh Nguyện của Tâm Bồ Đề với thân khẩu ý thảy đều bình đẳng, khắp tất cả nơi chốn thuần một Diệu Thiện, đầy đủ mọi Đức cho nên có tên gọi là Phổ Hiền"

Phổ Hiền đại biểu cho Hạnh Bồ Tát rộng lớn. Khi một cá nhân thực hiện viên mãn Hạnh Bồ Tát thì gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Còn viên mãn quả vị của Phổ Hiền Bồ Tát tức là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Chúng sinh đang đợi đầy đủ Nhân của Phổ Hiền, đấy tức là Tính của Tỳ Lô Giá Na Phật

Trong Man Đà La, Phổ Hiền Bồ Tát ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh **Thâm Nhập Tâm Bồ Đề**, tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, đầu đội mão báu 5 Phật, tay trái cầm hoa sen, trên hoa để cây kiếm bén chung quanh rực lửa sáng, tay phải mở cánh tay giương duỗi ngửa lòng bàn tay, kết Tam Nghiệp Thiện Diệu Ấn, co ngón vô danh với ngón út

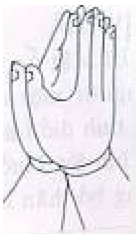


Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AṂ (𑖀𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm trên hoa sen, hay Hiền Bình

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Nhất Thiết Chi Phần Sinh Ấn :** Còn gọi là Tùng Phật Chi Phần Sinh Ấn. Chắp 2 tay lại như hình đóa hoa chưa nở (Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng) dựng thẳng đứng 2 ngón cái rồi hơi co lại. Biểu thị cho Đức của Tâm Bồ Đề được sinh ra từ từng phần của Đức Phật.



Chân Ngôn là :

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖀𑖽 𑖀𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ AṂ AḤ _ SVĀHĀ

3_ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Maṃjuśrī-bodhisatva)

Lại xưng là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi . Lược xưng là Văn Thù. Trong các Kinh Điển Khác lại có các danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát Tường...

Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Tử Đồng Bồ Tát, Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát (Maṃjuśrī-kumāra-bhūta)

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát với Phổ Hiền Bồ Tát cùng theo hầu cận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được xưng chung là **Thích Ca Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng Thủ trong hết thảy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Ngài có hình tượng là Cầm cây kiếm ngồi trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tỉnh chúng sinh đang bị mê đắm.

Trong Man Đa La này, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh **Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề**, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

Tôn Hình: Thân hiện màu vàng, tay trái cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ hoặc Ngũ Cổ, tay phải cầm quyển Kinh

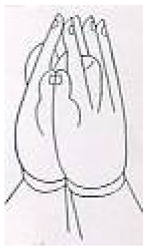


Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương trên hoa sen xanh, hoặc hoa sen xanh

Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Pháp Trụ Ấn:** còn gọi là Như Lai Pháp Trụ Ấn. Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở bung 2 ngón giữa. Biểu thị cho Đức trụ bền lâu nơi tất cả Pháp Môn nên gọi là Pháp Trụ.



Chân Ngôn là :

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖁 𑖪𑖸𑖟 𑖪𑖰𑖟𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ À VEDA VIDE _ SVÀHÀ

4_ Quán Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara-bodhisatva)

Quán Âm Bồ Tát tức Quán Tự Tại Bồ Tát. Lại xưng là Quang Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát, Hiện Âm Thanh Bồ Tát. Xưng riêng là Cứu Thế Bồ Tát, Liên Hoa Thủ Bồ Tát, Viên Thông Đại Sĩ…

Quán Âm Bồ Tát đại biểu cho Tâm Đại Bi của tất cả chư Phật, hay lắng nghe âm thanh khổ nạn của tất cả chúng sinh mà cứu độ như con ruột. Ngoài ra Quán Âm Bồ Tát còn đại biểu cho sự giác ngộ Phật Tính viên mãn của mỗi một cá nhân.

Trong Man Đa La này, Quán Âm Bồ Tát ở góc Tây Bắc biểu thị cho Hạnh **Toàn Thiện Tâm Bồ Đề**, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, tay trái để trước ngực thành Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, đầu đội mão báu, trên mão có Vô Lượng Thọ Như Lai



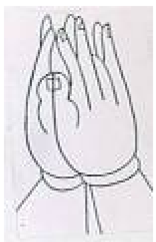
Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: BU (𑖤𑖲)

Tam Muộ Gia Hình là: Hoa sen hé nở hoặc Pháp Trụ Ấn



Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Đà La Ni Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Đà La Ni Ấn. Dựa theo Vị Khai Phu Hoa Hợ Chưởng, co 2 ngón giữ vào trong lòng bàn tay. Biểu thị cho nghĩa Tổng Trì là Thể Tính Pháp Môn



Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ BUDDHA DHĀRAṆI SMṚTI _ BALĀ DHĀNA KARI _ DHĀRA DHĀRA DHĀRĀYA _ SARVA BHAGAVATĪ ĀKĀRA VATI SAMAYE _ SVĀHĀ

5_ Di Lặc Bồ Tát (Maitreya-bodhisatva)

Di Lặc Bồ Tát có tên gọi là **Vô Năng Thắng** (Ajita), hiệu là **Từ Thị** (Maitreya). Ngài là vị Phật thứ năm kế tiếp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện trên trái đất này. Hiện Ngài đang ở cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣita) giáo hóa chúng sinh. Do đó Ngài còn được xưng là Nhất Bổ Xứ Bồ Tát, Bổ Xứ Bồ Tát hoặc Di Lặc Như Lai.

Trong đời đời kiếp kiếp Ngài thường tu tập **Từ Tâm Tam Muội,** hành **Từ Hạnh** để cứu độ chúng sinh. Do Đức đặc biệt này mà Ngài có hiệu là **Từ Thị**

Trong Man Đa La này, Di Lặc Bồ Tát ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh **Kết Kim Cương Thân**, tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn

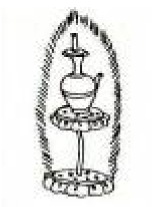
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái tác Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, bên trên có Táo Bình, đầu đội mão báu, trên có tháp báu



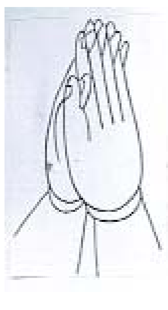
Mật Hiệu là: **Tấn Tật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YU ( )

Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình trên hoa sen, hoặc Tấn Tật Ấn trên hoa sen



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn, hay **Tấn Tật Trì Ấn** Còn gọi là Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn. Hai tay kết Hư Tâm Hợp Chưởng, đan chéo 10 đầu ngón tay với nhau, bên phải đè bên trái, cùng nhau gia trì rồi tự xoay chuyển. Biểu thị cho lực gia trì nhanh chóng của sức Thần Biến Bí Mật của Như Lai.



Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ MAHĀ-YOGA YOGINI YOGEŚVARI _ KHAṂ JARĪKE _ SVĀHĀ

_Theo hệ thống Thuần Mật thì Đức Phật Thích Ca được xem là **Thân Biến Hóa** (Nirmāṇa-kāya) của Pháp Thân Phật tức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đức Phật Thích Ca là Tôn Chủ của **Thích Ca Viện**. Viện này biểu thị cho việc nói Pháp lợi sinh của Đại Nhật Như Lai, Diệu Đức của phương tiện nhiếp hóa

Các Tôn trong viện Thích Ca gồm có :

a) Thích Ca Như Lai biểu thị cho **Phật Bảo**, Quán Tự Tại Bồ Tát biểu thị cho **Pháp Bảo**, Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị cho **Tăng Bảo**. Cả 3 Tôn này biểu thị cho 3 Đức đầy đủ của Tam Bảo.

Hai Tôn: Vô Năng Thắng Minh Vương và Vô Năng Thắng Minh Phi biểu thị cho Đức **Giáng phục 4 Ma** của Đức Thích Ca khi Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành Đạo.

b) Tám Phật Đỉnh biểu thị cho **Quả Đức u thâm huyền diệu** của Như Lai. Các Tôn Tượng này tức đại biểu cho nơi khởi hiện của Phật Trí vô thượng

.) 3 Phật Đỉnh: Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Am Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho **3 đức tính của 3 Bộ** trong Thai Tạng Giới, hay thỏa mãn tất cả mọi Nguyện

.) 5 Phật Đỉnh: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho **5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai,** ở trong tất cả Công Đức giống như một loại Chuyển Luân Thánh Vương (Cakra-vartin-rja) có đầy đủ đại thế lực

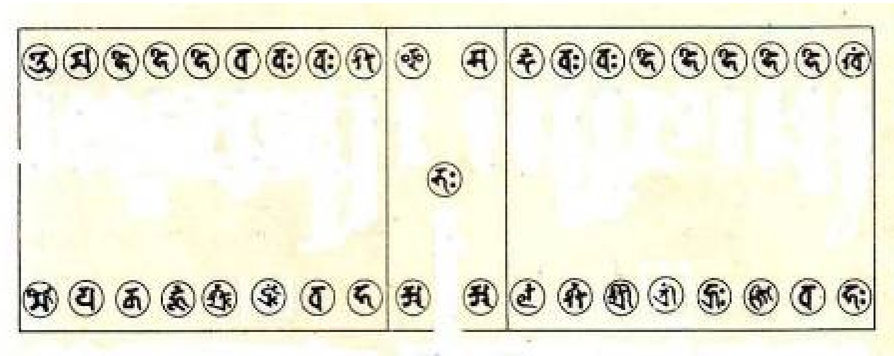
.) Nhất Thiết Như Lai Bảo, Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả. Sáu Tôn này biểu thị cho con mắt Từ Bi nhìn ngó chúng sinh

.) Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiếu, Như Lai Xước Khất Để. Sáu Tôn này biểu thị cho **Tự Tính Pháp Thân thường trụ** của Đức Thích Ca Như Lai

.) Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diệp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Câu Hy La, Trí Câu Hy La, Cúng Dường Vân Hải. 14 Tôn này biểu thị cho Công Đức phân biệt đã đầy đủ của Như Lai.

Viện này tổng cộng có 39 Tôn được trình bày như sau





_ Lớp bên trái (từ trái qua phải):gồm 17 Tôn
.) Hàng trên có 9 Tôn
1_ Như Lai Xả ( )
2_ Như Lai Hỷ ( )
3_ Xá Lợi Phất ( )
4_ Ca Diếp Bà ( )
5_ Tu Bồ Đề ( )
6_ Đại Mục Kiền Liên ( )
7_ Đa Ma La Hương Tích Chi Phật ( )
8_ Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật ( )
9_ Như Lai Thước Khất Để ( )
.) Hàng dưới có 8 Tôn:
1_ Như Lai Từ ( )
2_ Như Lai Mẫn ( )
3_ Như Lai Bi ( )
4_ Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh ( )
5_ Cao Phật Đỉnh ( )
6_ Chuyển Luân Phật Đỉnh ( )
7_ Như Lai Hào Tướng ( )
8_ Nhất Thiết Như Lai Bảo ( )
_ Lớp chính giữa gồm 5 Tôn
.) Hàng trên có 02 Tôn:
1_ Bên trái: Hư Không Tạng ( )
2_ Bên phải: Quán Tự Tại ( )
.) Chính giữa có 01 Tôn là Thích Ca Mâu Ni Như Lai ( )
.) Hàng bên dưới có hai Tôn
1_ Bên trái: Vô Năng Thắng Phi ( )
2_ Bên phải: Vô Năng Thắng Kim Cương ( )
_ Lớp bên phải (từ trái qua phải) gồm 17 Tôn
.) Hàng trên có 9 Tôn:
1_ Như Lai Nha ( )
2_ Luân Bức Tích Chi Phật ( )
3_ Bảo Bức Tích Chi Phật ( )
4_ Câu Hy La ( )
5_ A Nan ( )

6_ Ca Chiên Diên ( )
7_ Ưu Bà Lợi ( )
8_ Trí Câu Hy La ( )
9_ Cúng Dường Vân Hải ( )
.) Hàng bên dưới có 8 Tôn:
1_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh ( )
2_ Thắng Phật Đỉnh ( )
3_ Tối Thắng Phật Đỉnh ( )
4_ Quang Tụ Phật Đỉnh ( )
5_ Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh (Tồi Toái Phật Đỉnh) ( )
6_ Như Lai Thiệt ( )
7_ Như Lai Ngữ ( )
8_ Như Lai Tiếu ( )

1_ Thích Ca Mâu Ni Như Lai (Śākya-muṇi):

Śākya-muṇi dịch âm là Thích Ca Văn Ni, Xả Ca Dạ Mâu Ni, Thích Ca Mâu Nẵng, Thích Ca Văn…. lược xưng là Thích Ca, Mâu Ni, Văn Ni. Dịch ý là Năng Nhân, Năng Nhẫn, Năng Tịch, Tịch Mặc, Năng Mãn. Hoặc xưng là Thích Ca Tịch Tĩnh. Lại xưng là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi) lại được dịch là **Năng Nhân Tịch Mặc** trong đó **Năng Nhân** (Śākya) là dòng họ Thích Ca và **Tịch Mặc** (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác. Như vậy Hồng danh **Thích Ca Mâu Ni** biểu thị cho Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

Trong viện này thì Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng cho **Phật Bảo.**

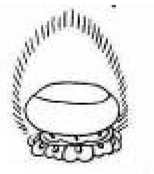
Tôn Hình: Hai tay để ngang ngực kết Thuyết Pháp Ấn. Thân màu vàng rực, khoác cà sa màu đỏ, ngồi Kiết Già trên hoa sen



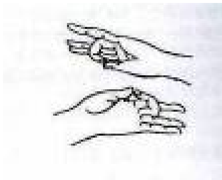
Chữ chủng tử là: BHAḤ ()

Mật Hiệu là: **Tịch Tĩnh Kim Cương.** Biểu thị cho sự xa lìa khỏi 5 Độc của Thế Gian

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình bát.



Tướng Ấn là: Kết Cát Tường Ấn hoặc Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

2_ Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokiteśvara):

Avalokiteśvara dịch âm là A Bà Lô Cát Đế Thước Bát La, A Phộc Lô Chỉ Đề Thấp Phiệt La…Dịch ý là Quán Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát…

Tôn này là vị Bồ Tát có bản nguyện dùng Từ Bi cứu độ chúng sinh.

Trong Viện này thì Quán Tự Tại Bồ Tát là vị theo hầu bên phải Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đại biểu cho **Pháp Bảo** và biểu thị cho Đức **Chân Tướng**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái chống eo, đứng thẳng trên hoa sen.



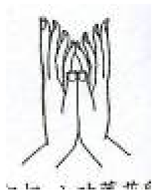
Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương** , hoặc **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phất trắng, hoặc hoa sen chưa hé nở.



Tướng Ấn là: Bát Diệp Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖭

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SA

3_ **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha, hoặc Gagana-gañja):

Ākāśa-garbha dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà

Gagana-gañja dịch âm là Nga Nga Nẵng ngạn nhạ.

Tôn này đại biểu cho hai tạng báu **Phước Đức, Trí Tuệ** vô lượng ngang bằng với hư không rộng lớn vô biên.

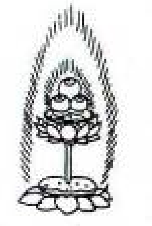
Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát hay tuôn ra vô lượng Pháp Bảo ban bố khắp cho người có mong cầu, lợi ích chúng sinh.

Trong Viện này thì Hư Không Tạng Bồ Tát là vị theo hầu bên trái Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và đại diện cho **Tăng Bảo**

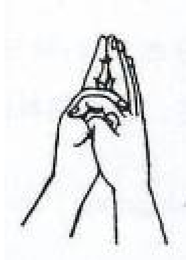
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa cầm cây phất trắng. Tay trái úp quyền để phía trước rốn cầm hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc màu xanh lục, khoác Thiên y, đứng thẳng trên tòa hoa sen.



Mật Hiệu là: **Vô Tận Kim Cương**
Chữ chủng tử là: I (𑖂)
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen.



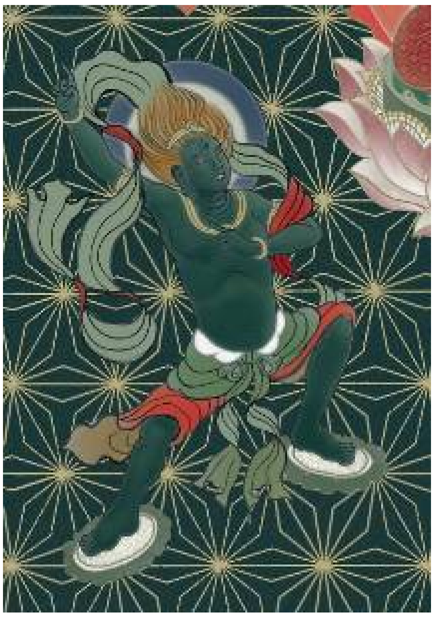
Tướng Ấn là: Hư Không Tạng Ấn (Hư Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón trỏ để bên dưới hai ngón giữa, đưa ngón cái vào trong lòng bàn tay).



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKĀŚA SAMANTA-ANUGATA VICITRĀṂ VARA-DHARA_ SVĀHĀ

4_Vô Năng Thắng Phi (Aparājitā-rājñi):
Tôn này là vợ của Vô Năng Thắng Minh Vương.
Tôn này biểu thị cho sức mạnh **Giác Ngộ** của Đức Phật Thích Ca
Tôn Hình: Thân màu đen xanh, có 3 mắt, khoác Thiên Y.

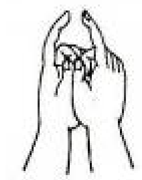


Mật Hiệu là: **Trường Sinh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây búa lớn, hoặc cầm hoa sen.



Tướng Ấn là: Vô Năng Thắng Minh Phi Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ APĀRAJITE JAYAṂTI TĀḌITE_ SVĀHĀ

5_ Vô Năng Thắng Kim Cương (Aparājitā-vajra):

Aparājitā-vajra dịch âm là A Ba La Nhĩ Đa. Lại xưng là Vô Năng Thắng Bồ Tát, Vô Năng Thắng Minh Vương. Là một trong 8 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo.

Khi Đức Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, vừa mới thành Đạo thời dùng sức của Minh Chú **Vô Năng Thắng** giáng phục quân Ma và đẩy lui mọi chướng ngại.

Tôn này được xem là một Hóa Thân của Đức Thích Ca, biểu thị cho sức mạnh chiến đấu và chiến thắng

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, có 4 mặt 4 cánh tay. Bốn mặt đều nhìn ngó giận dữ, tóc dựng dài như lửa rực. Bên phải: tay thứ nhất dựng Quyền duỗi ngón trỏ để trước ngực, tay thứ hai đem ngón giữa, ngón vô danh đè nóng ngón cái và duỗi thẳng ngón trỏ, co khuỷu tay hướng lên trên. Bên trái: tay thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm Tam Kích Xoa.



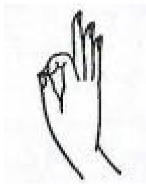
Mật Hiệu là: **Thắng Diệu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀) hay DHRIṂ (𑖠𑖿𑖨𑖰𑖽) nghĩa là khiến cho chúng sinh trong Pháp Giới lìa bụi dơ

Tam Muội Gia Hình là: Cái miệng lớn trên hoa sen đen, hay cây búa lớn.



Tướng Ấn là: Vô Năng Thắng Ấn (Tay phải để ngang trái tim, làm dạng cầm hoa sen. Tay trái duỗi cánh tay nâng cao lên, duỗi năm ngón tay).



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖠𑖿𑖨𑖰𑖽 𑖠𑖿𑖨𑖰𑖽 𑖨𑖰𑖽 𑖨𑖰𑖽 𑖕𑖿𑖨𑖰𑖽 𑖕𑖿𑖨𑖰𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHRIṂ DHRIṂ_ RIṂ RIṂ_ JRIṂ JRIṂ_ SVĀHĀ

_Tám Phật Đỉnh biểu thị cho **Quả Đức u thâm huyền diệu** của Như Lai. Các Tôn Tượng này tức đại biểu cho nơi khởi hiện của Phật Trí vô thượng

Ba Phật Đỉnh: Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Am Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho **3 đức tính của 3 Bộ** trong Thai Tạng Giới, hay thỏa mãn tất cả mọi Nguyện

Năm Phật Đỉnh: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho **5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai,** hay 5 Tôn này biểu thị cho Công Đức của **Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng** (Tướng nhục kế của Như Lai không thể thấy biết được) ở trong tất cả Công Đức giống như một loại **Chuyển Luân Thánh Vương** (Cakra-vartin-ràja) có đầy đủ đại thế lực

1_ Quảng Đại Phật Đỉnh (Mahā-uṣṇīṣa-cakra-vartin):

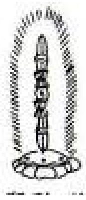
Mahā-uṣṇīṣa-cakra-vartin lại xưng là Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh, Đại Luân Phật Đỉnh, Quảng Sinh Phật Đỉnh, Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh, Hội Thông Đại Phật Đỉnh, Hoàng Sắc Phật Đỉnh, Hội Thông Đại Chuyển Luân. Là một trong 3 Phật Đỉnh, hoặc một trong 8 Phật Đỉnh .

Tôn này Biểu thị cho Đức của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) là con đường giác ngộ viên mãn, Lý Trí đầy đủ.

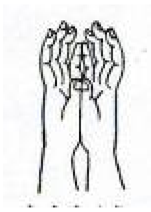
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thị hiện hình Bồ Tát, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ, tay phải cầm hoa sen bên trên sen có cái chày Độc Cổ dựng đứng, tay trái đem ngón cái vịn ngón giữa, dựng thẳng ngón trỏ, hướng mặt về bên trái.



Mật Hiệu là: **Phá Ma Kim Cương**
Chữ chủng tử là: ṬRŪṂ (𑖘𑖿𑖨𑖳𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấn là Như Ý Bảo Ấn: Hư Tâm Hợp Chưởng, hai tay đem ngón út, ngón cái cùng hợp nhau, hơi co các ngón còn lại như hoa sen nở rộ.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖘𑖿𑖨𑖳𑖽 𑖄𑖬𑖿𑖜𑖱𑖬 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Ṭrūṃ uṣṇīṣa svāhā

2_ Cực Quảng Đại Phật Đỉnh (Abhyudgata-uṣṇīṣa):
Abhyudgata-uṣṇīṣa được xưng là Cao Phật Đỉnh, Quảng Sinh Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Tối Cao Phật Đỉnh. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh

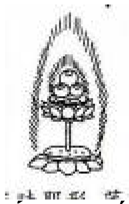
Thường nhớ niệm Tôn này thì vào lúc đấu chiến, luận lý, tranh tụng thời đều được tốt lành. Nếu viết Chân Ngôn này ở trên đầu thì có thể được sự tốt lành trong sạch, diệt tội được phước và được Biện Tài không ngăn ngại.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là Đại Tuệ Tam Muội của Như Lai hay làm cho rạng rỡ muôn điều lành.

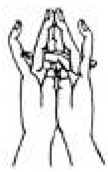
Tôn Hình: Thân màu vàng, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ, tay phải dựng lòng bàn tay co ngón vô danh, tay trái để ở eo lưng cầm hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc màu xanh lục (Lục Châu).



Mật Hiệu là : **Nan Đổ Kim Cương**
Chữ chủng tử là: ŚRŪṂ (𑖫𑖿𑖨𑖳𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Cao Phật Đỉnh Thủ Ấn:** Chắp hai tay lại, co ngón vô danh cùng cài chéo nhau để bên ngoài, hai ngón út, hai ngón giữa cùng hướng lên trên giữ nhau, duỗi ngón trỏ co lóng thứ ba khiến chẳng dính nhau, giống như hạt lúa mạch, hai ngón cái hơi co.



Chân Ngôn là:



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śrūṃ uṣṇīṣa svāhā

3_ Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh (Ananta-svara-ghoṣa-cakra-vartin)

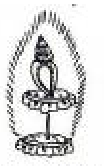
Lại xưng là Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh, Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh, là một trong ba Phật Đỉnh, chủ yếu biểu dương Đức Phật Đà dùng vô lượng âm thanh màu nhiệm nói Pháp khiến cho chúng sinh đều được mở rõ sự hiểu biết (khai giải).

Tôn này biểu thị cho Đức của **Kim Cương Bộ** (Vajra Kulāya) là sức tác dụng Trí Tuệ của Như Lai hay nghiền nát 3 chướng (Hoặc, Nghiệp, Khổ) của tất cả chúng sinh.

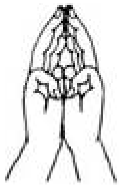
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay trái cầm hoa sen bên trên có cái vỏ ốc (Loa Bối), tay phải dựng đứng lòng bàn tay co ngón trỏ, ngón giữa.



Mật Hiệu là: **Diệu Hưởng Kim Cương**
Chữ Chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Vỏ ốc trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Pháp Loa Ấn**: Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, đem hai ngón trỏ quấn đè bên trên ngón cái sao cho móng ngón tay cùng chạm dính nhau.



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hūṃ jayoṣṇīṣa svāhā

Chân Ngôn chung của 3 Phật Đỉnh này là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hūṃ hūṃ saṃ huṃ_ hūṃ ṭrūṃ

4_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh (Sitātapatra-Uṣṇīṣa, hay Sitātaptatroṣṇīṣa):

Sitātapatra dịch âm là Tất đát bát đát la, dịch ý là Bạch Tản Cái, Bạch Tán, Bạch Tán Cái. Đây là cái lọng màu trắng chủ về Tịnh Đức của Đức Phật Đà hay che chắn tất cả hữu Tình.

Sitātaptatroṣṇīṣa dịch âm là Tất đát bát đát la Ô Sắt Nị Sa. Dịch ý là Bạch Tản Phật Đỉnh, Tản Cái Phật Đỉnh, Tản Phật Đỉnh, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh. Là một trong 5 Phật Đỉnh, một trong 8 Phật Đỉnh.

Tôn này dùng cái lọng Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh làm Bản Thệ.

Tôn này biểu thị cho mọi tướng của Như Lai.

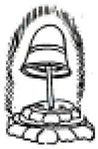
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên sen có cái lọng trắng. Co cánh tay phải lên trên kèm co 5 ngón, đem ngón cái vịn ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



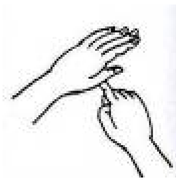
Mật Hiệu là: **Dị Tướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LAṂ (𑖩𑖽) tượng trưng cho ý dùng ánh sáng Trí của **Vô Tướng chẳng thể đắc** che chắn chúng sinh trong Pháp Giới.

Tam Muội Gia Hình là: Cái lọng trắng trên hoa sen, hay là cái lọng.



Tướng Ấn là **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn**: Chưởng trái hơi mở các ngón tay rồi úp chưởng xuống. Tay phải nắm thành quyền, dựng đứng ngón trỏ chỉ vào tâm lòng bàn tay trái thành hình cái lọng



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖩𑖽 𑖭𑖰𑖝𑖯𑖝𑖢𑖝𑖿𑖨 𑖄𑖬𑖿𑖜𑖱𑖬 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Laṃ_ sitātapatra-uṣṇīṣa svāhā

5_ Thắng Phật Đỉnh (Jaya-Uṣṇīṣa hay Jayoṣṇīṣa)

Jayoṣṇīṣa dịch âm là Nhạ Dục Ổ Sắt Nê Sái. Lại xưng là Thắng Đỉnh Luân Vương, Thắng Phật Đỉnh Chuyển Luân. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh.

Do Tôn này đã đoạn trừ gốc rễ của Vô Minh cho nên đã chứng ngộ Niết Bàn vắng lặng, là sự vắng lặng rộng lớn của Như Lai. Sự vắng lặng này không có gì ngang bằng, không gì có thể so sánh, là Đỉnh của Đại Tịch cho nên xưng là Thắng Phật Đỉnh.

Tôn này biểu thị cho Đại Tịch của Như Lai.

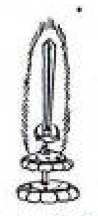
Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Bồ Tát. Tay phải cầm hoa sen chưa nở. Tay trái nắm quyền cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm chung quanh rực lửa sáng. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



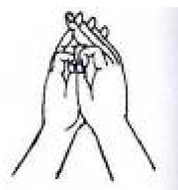
Mật Hiệu là: **Đại Tôn Kim Cương, Vô Tỷ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu trên hoa sen



Tướng Ấn là **Đại Tuệ Đao Ấn**: Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, co hai ngón trỏ cùng hợp móng ngón, kèm dựng hai ngón cái đè bên cạnh móng hai ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śaṃ_ Jaya-uṣṇīṣa svāhā

6_ Tối Thắng Phật Đỉnh (Vijayoṣṇīṣa):

Tối Thắng Phật Đỉnh là một trong 5 Phật Đỉnh , một trong 8 Phật Đỉnh.... chủ yếu làm lộ rõ Đức đặc biệt chuyển bánh xe Pháp của Đức Phật.

Tôn này biểu thị cho Thần Thông thọ lượng bí mật của Như Lai.

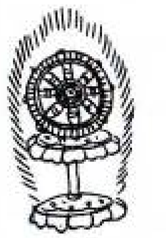
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có để bánh xe, ngồi trên hoa sen



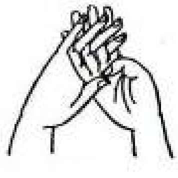
Mật Hiệu là:**Tối Thắng Kim Cương** hoặc **Thượng Hạnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚRĪ () hay ŚĪ ()

Tam Muội Gia Hình là:Bánh xe Kim Cương trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Chuyển Pháp Luân Ấn:** Hai tay để ngược nhau, cùng cài chéo các ngón tay, hai ngón cái cùng hợp đầu ngón.



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śī_sī _ vijaya-uṣṇīṣa svāhā

7_ Quang Tụ Phật Đỉnh (Tejoraśi-uṣṇīṣa):

Tejoraśi-uṣṇīṣa dịch âm là Đế Nhu La Thi Ổ Sắt Nê Sái. Là một trong 5 Phật Đỉnh của Mật Giáo, một trong 8 Phật Đỉnh. Lại xưng là Hỏa Tụ Phật Đỉnh, Hỏa Quang Phật Đỉnh, Phóng Quang Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương… Bản Tôn tượng trưng cho Đức đặc biệt của ánh sáng Như Lai chiếu phá hắc ám của chúng sinh cho nên có tên là Quang Tụ Phật Đỉnh

Thường niệm Thánh Hiệu của Quang Tụ Phật Đỉnh hay phá hoại tất cả chướng ngại, khu trừ Quỷ Mỵ khó điều phục, có thể thành tựu tất cả việc Phật rộng lớn.

Tôn này biểu thị cho ánh sáng Định Tuệ của Như Lai hay phá trừ sự ám chướng.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ. Tay phải dựng nghiêng co ngón vô danh ngón út. Tay trái để ở eo cầm hoa sen, trên sen có hình Phật Đỉnh



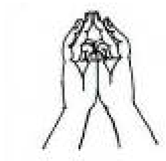
Mật Hiệu là: **Thần Thông Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRĪṂ ( )

Tam Muộ Gia Hình là: Hình Phật Đỉnh trên hoa sen, hoặc hình báu trên hoa sen màu vàng.



Tướng Ấn là **Quang Tụ Phật Đỉnh Ấn**: Chắp tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), hai ngón vô danh, hai ngón út cùng hợp móng ngón nhập vào trong lòng bàn tay; hai ngón trỏ phụ dính lưng hai ngón giữa, kèm dựng hai ngón cái, liền thành hình của ba con mắt



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Trīṃ_ Tejoraśi-uṣṇīṣa svāhā

8_ Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh (Tồi Toái Phật Đỉnh_ Vikiraṇoṣṇīṣa)

Vikiraṇoṣṇīṣa lại xưng là Trừ Chướng Phật Đỉnh, Xả Trừ Phật Đỉnh, Tôn Thắng Phật Mẫu, Đỉnh Kế Thắng Phật Mẫu. Gọi đơn giản là Tôn Thắng Mẫu, cùng với Vô Lượng Thọ Phật, Bạch Độ Mẫu được gọi là ba Tôn Trường Thọ (Trường Thọ Tam Tôn)

Trong tất cả Phật Đỉnh thì Tồi Toái Phật Đỉnh hay khử trừ tất cả phiền não nghiệp chướng, phá hoại tất cả sự đau khổ của nẻo uế ác… cho nên lại xưng là Tôn Thắng Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh. Là một trong 5 Phật Đỉnh, một trong 8 Phật Đỉnh

Tôn này biểu thị cho Lực Vô Sở Úy Thần Thông của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của Nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

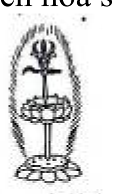
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen , trên sen có để móc câu Độc Cổ. Tay phải co ngón vô danh, dựng đứng lòng bàn tay ngang ngực, ngồi trên hoa sen đỏ



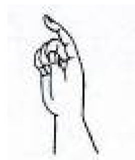
Mật Hiệu là: **Trừ Ma Kim Cương**.

Chữ chủng tử là: HRAḤ () hay HRŪṂ ()

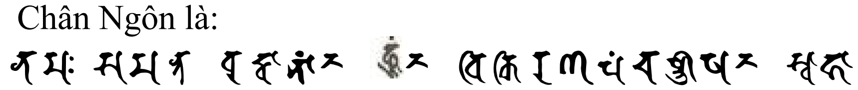
Tam Muội Gia Hình là:Móc câu để trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn:** Tay phải tác Liên Hoa Quyền, dựng đứng ngón trỏ co lóng trên như hình móc câu.



Chân Ngôn là:



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hrūṃ_ vikiraṇa paṃca-uṣṇīṣa svāhā

_ 6 Tôn Nhất Thiết Như Lai Bảo, Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả biểu thị cho con mắt Từ Bi nhìn ngó chúng sinh

1_ Nhất Thiết Như Lai Bảo (Sarva-tathāgata-maṇi):

Tôn này tức là **Phật Nhãn Phật Mẫu** (Buddha-locana), là nơi hóa hiện của Bát Nhã Trung Đạo Diệu Trí. Là Tổng Mẫu sinh ra chư Phật, Bồ Tát trong hai Bộ **Kim, Thai**. Dùng điều ấy làm Mẫu sinh ra công đức của Phật Bộ, cho nên xưng là Phật Mẫu. Lại do dùng đủ 5 loại mắt cho nên có tên gọi là Phật Nhãn.

Trong Thích Ca Viện thì Phật Nhãn Phật Mẫu lại được xưng là Năng Tịch Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Bảo. Pháp tu ấy chủ về Tức Tai hoặc Giáng Phục. Điều đặc sắc nhất là Tôn này dùng các Tinh Tú làm quyến thuộc.

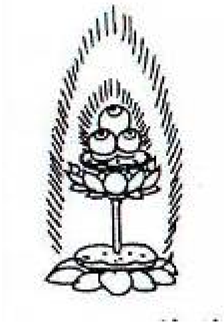
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón giữa ngón vô danh; hơi co ngón út, duỗi ngón cái và ngón trỏ. Tay trái co cánh tay cầm hoa sen bên trên có viên ngọc Như Ý. Hướng mặt về phương bên trái hơi ngước nhìn.



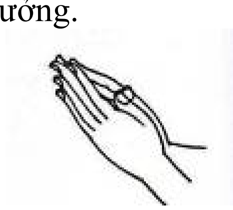
Mật Hiệu là: **Bảo Tướng Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: HA (𑖮) hay TA (𑖝)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen, hoặc Phật Đỉnh Nhãn.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖭𑖨𑖿𑖪𑖞𑖯 𑖪𑖰𑖦𑖝𑖰 𑖪𑖰𑖎𑖰𑖨𑖜 𑖠𑖨𑖿𑖦𑖠𑖯𑖝𑖲 𑖡𑖰𑖨𑖿𑖕𑖯𑖝 𑖭𑖽 𑖭𑖽 𑖮𑖯 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVATHĀ VIMATI VIKIRAṆA DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAṂ SAṂ HĀ SVĀHĀ

2_ Như Lai Từ Bồ Tát (Tathāgata-matrī):

Tathāgata-matrī dịch âm là Đát Tha Nga Đa Muội Để Lợi.

Tôn này biểu thị cho Tâm **Từ Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, giao ống chân ngồi trên lá sen, mặc quần áo có đường viền, hai tay cầm lá sen, trên lá chứa đầy hoa sen.



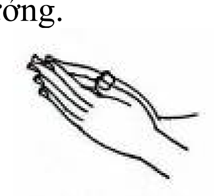
Mật Hiệu là: **Hộ Niệm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MO (𑖦𑖺) hay MAI (𑖦𑖹)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen, hay viên ngọc Như Ý.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ mahā-maitreya sphara

3_ Như Lai Bi Bồ Tát (Tathāgata-kāruṇa):

Tathāgata-kāruṇa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ca Lỗ Noa.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Bi Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y rũ xuống che hai khuỷu tay, hai tay chắp lại, giao ống chân ngồi trên lá sen.



Mật Hiệu là: **Bi Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA () .

Tam Muội Gia Hình là: Hợp Chưởng Ấn, hoặc viên ngọc Như Ý.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖯𑖎𑖯𑖨𑖲𑖜𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖣𑖨
Oṃ_ mahā-kāruṇāya sphara

4_ Như Lai Hỷ Bồ Tát (Tathāgata-muditā):
Tathāgata-muditā dịch âm là Đát Tha Nga Đa Mẫu Nĩ Đa.
Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Hỷ Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.
Tôn Hình: Thân màu thịt, mặc áo cà sa che kín vai phải với ngực, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực, co ngón giữa ngón vô danh ngón út. Tay trái cầm lá sen chứa đầy hoa, ngồi trên hoa sen.

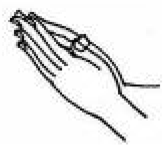


Mật Hiệu là: **Xứng Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: MA (𑖦) hay MU (𑖦𑖲)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen, hoặc hoa sen màu vàng.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖽 𑖫𑖲𑖟𑖿𑖠 𑖢𑖿𑖨𑖦𑖲𑖟𑖰𑖝 𑖭𑖿𑖣𑖨

Oṃ_ Śuddha-pramudita sphara

5_ Như Lai Xả Bồ Tát (Tathāgata-upekṣa):

Tathāgata-upekṣa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ô Bế Khất Tẩy.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Xả Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, lòng bàn tay phải đè trên đùi, hướng ngón cái vào bên trong, hướng 4 ngón còn lại ra ngoài. Tay trái cầm viên ngọc màu trắng, hơi nghiêng mặt về bên trái, giao chéo ống chân ngồi trên lá sen.



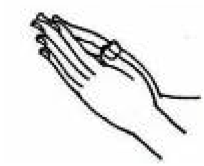
Mật Hiệu là: **Bình Đẳng Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: Ū (𑖅) hay PE (𑖢𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc màu trắng.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖺𑖢𑖸𑖎𑖿𑖬 𑖭𑖿𑖣𑖨
Oṃ_ mahā-upekṣa sphara

6_ Như Lai Mẫn Bồ Tát (Tathāgata-amṛḍitā):
Tathāgata-amṛḍitā dịch âm là Đát Tha Nga Đa Mẫu Lật Đề Đa.
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, mặc quần áo có đường viền, rũ ngửa bàn tay phải cầm lá sen chứa đầy hoa. Tay trái cầm viên ngọc báu, trên viên ngọc có lửa rực sáng, giao ống chân ngồi trên lá sen.

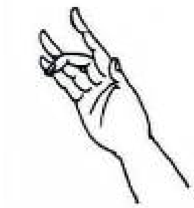


Mật Hiệu là: **Giáo Lệnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: YA (𑖧), hay MRE (𑖦𑖿𑖨𑖸), hay YAṂ (𑖧𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu, hoặc hoa báu



Tướng Ấn là: Bi Niệm Giả Ấn: Úp tay phải che ức ngực, hơi co ngón giữa.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ YAṂ KĀRUṆĀMREḌITA SVĀHĀ

_ 6 Tôn: Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiếu, Như Lai Xước Khất Để…biểu thị cho **Tự Tính Pháp Thân thường trụ** của Đức Thích Ca Như Lai

1_ Như Lai Hào Tướng Bồ Tát (Tathāgata-ūrṇa):

Lại xưng là Thích Ca Hào Tướng Bồ Tát, Chân Đa Ma Ni Hào Tướng Bồ Tát.

Tôn này là Bồ Tát chủ về ảnh tượng thuộc Đức đặc biệt của tướng Bạch Hào (sợi lông trắng xoáy tròn theo bên phải ở tam tinh) trong 32 tướng của Như Lai.

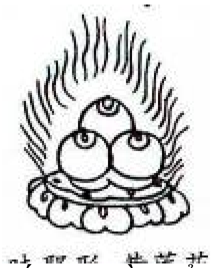
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, ngửa lòng bàn tay phải để dưới rốn, tay trái cầm hoa sen bên trên có viên ngọc báu, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



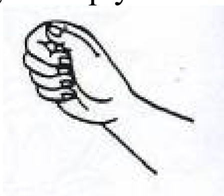
Mật Hiệu là: **Diệu Dụng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA ( ) hoặc HŪṂ ( ) hay TA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ánh sáng trên hoa sen màu vàng, hoặc viên ngọc báu Như Ý.



Tướng Ấn là: Tay phải làm dạng nắm quyền để ở vai.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VARĀDE VARA-PRĀPTE HŪṂ SVĀHĀ

2_ Như Lai Nha Bồ Tát (Tathāgata-daṃṣṭra):

Tôn này chủ về Phật Đức hay tồi phá sự chấp trước sai biệt về chúng sinh và Phật Đà để đạt được Pháp Vị vô thượng

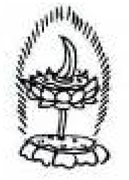
Tôn Hình: Thân màu thịt, để lòng bàn tay phải trước ngực phải, hơi co ngón giữa ngón vô danh. Tay trái nắm quyền cầm hoa sen, trên sen có răng nanh, ngồi trên hoa sen đỏ.



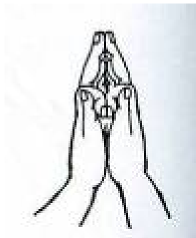
Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương, Điều Phục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Răng nanh trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Như Lai Nha Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA DAṂṢṬRA_ RASA RASA-AGRA SAṂPRĀPAKA _ SARVA-TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

3_ Như Lai Thiệt Bồ Tát (Tathāgata-jihva):

Tathāgata-jihva dịch âm là Đát Tha Nga Tha Nỉ Hà Phộc. Tôn này chủ yếu hiển bày tướng lưỡi nói Pháp của Đức Phật Đà, thường làm Đức của lời nói chân thật (chân thật ngữ).

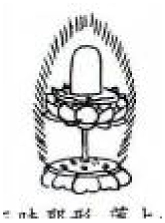
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi giương ngửa lòng bàn tay lên trên để trước ngực. Tay trái cầm hoa sen nở rộ, trên sen để cái lưỡi, trên lưỡi có lửa rực sáng, ngồi trên hoa sen đỏ.



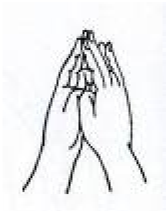
Mật Hiệu là: **Biệt Thuyết Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JI ([illegible])

Tam Muội Gia Hình là: Cái lưỡi trên hoa sen



Tướng Ấn là: Như Lai Giáp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA _ SVĀHĀ

4_ Như Lai Ngữ Bồ Tát (Tathāgata-vaktra):

Vaktra có ý chỉ vật khí của ngôn ngữ, cũng tức là miệng phát ra lời nói cho nên Tathàgata-vaktra được xưng là Như Lai Ngữ Môn Bồ Tát, Như Lai Khẩu Bồ Tát (hay Như Lai Thần)

Do Đức Như Lai dùng âm thanh vi diệu diễn nói Đại Pháp khiến các loài chúng sinh tùy nghe được hiểu mà Tôn này lại do Trí của Như Lai sinh ra cho nên chủ về Đức **phát ra lời diễn nói** của Đức Như Lai.

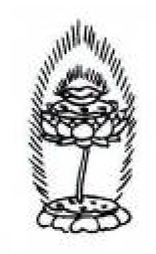
Tôn Hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực. Dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu.



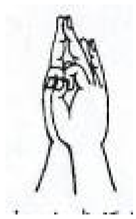
Mật Hiệu là: **Tính Không Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Cái môi trên hoa sen, hay hình báu trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Như Lai Ngữ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA MAHĀ-VAKTRA VIŚVA-JÑĀNĀṂ MAHODAYA_ SVĀHĀ

5_ Như Lai Tiếu Bồ Tát (Tathāgata-hāsa):

Tathāgata-hāsa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ha Sa. Tôn này nguyên là tướng răng của Đức Như Lai biểu thị cho Đức chủ về sự vui vẻ của Như Lai.

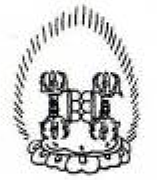
Tôn Hình: Thân màu thịt, há miệng lộ răng, nâng cánh tay phải, úp lòng bàn tay xuống dưới che, để bên cạnh miệng. Tay trái nắm quyền để cạnh eo, cầm hoa sen nở rộ, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



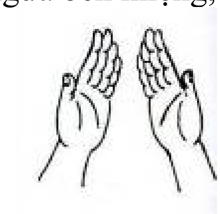
Mật Hiệu là: **Hoan Hỷ Kim Cương, Phá Nhan Kim Cương**

Chữ chủng tử là :HAḤ (𑖮𑖾) hay HĀ (𑖮𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Trong chày Tam Cổ có bộ răng.



Tướng Ấn là: Hai lòng bàn tay ngửa bên miệng,bung tán.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖮𑖭
OṂ_ VAJRA-HĀSA

6_ Như Lai Thước Khất Để (Tathāgata-śakti):

Śakti dịch ý là cây giáo (sóc) cây thương (thương). Lại xưng là Như Lai Sóc, Như Lai Sóc Bồ Tát.

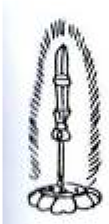
Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt thuộc các loại phương tiện bảo hộ chúng sinh của Như Lai

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải hướng ra ngoài cầm cây giáo, tay phải để ở eo, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Chúng Hạnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: ŚA (𑖫)

Tam Muội Gia Hình là: Mâu Kích.



Tướng Ấn là: Tay trái ngửa lòng bàn tay để trên Già Phu, tay phải đem ngón cái vịn ngón vô danh và duỗi thẳng ba ngón còn lại như dạng Tam Kích Xoa.



Chân Ngôn là:



OṂ_ TATHĀGATA- ŚAKTI SVĀHĀ.

_ 14 Tôn: Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diệp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Câu Hy La, Trí Câu Hy La, Cúng Dường Vân Hải biểu thị cho các Công Đức phân biệt đã đầy đủ của Đức Như Lai.

1_ Đa Ma La Hương Tích Chi Phật (Tamāla-patra-pratyeka-buddha):

Tamàla-patra-pratyeka-buddha dịch âm là Tác Đa Ma La Bả Đát La Bát-La Để Duệ Kế Mẫu Đà. Lại xưng là Đa Ma La Bạt Hương Tích Chi Phật, Đa Ma La Diệp Duyên Phật.

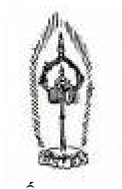
Tamāla-patra dịch ý là Hoắc Diệp Hương có tính hiền không có dơ. Đây là loại hương do Hoắc Diệp chế tạo thành, là thứ tối thắng trong các loại hương.

Tôn này đồng thể với Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật, biểu thị cho **Thắng Đức** của Đấng Phật Đà.

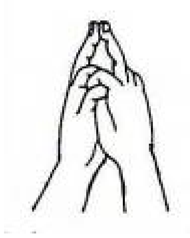
Tôn Hình: Hình Như Lai hơi gầy ốm, toàn thân màu vàng trắng. Tay trái nắm góc áo cà sa để trước ngực. Tay phải co cánh tay giương lòng bàn tay và co ngón vô danh ngón út, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Uân Huân Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖪𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



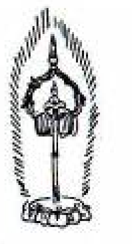
Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖪𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

2_ Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật (Candana-gandha-pratyeka-buddha):
Pratyeka-buddha (Tích Chi Phật) dịch ý là Duyên Giác, hay Độc Giác. Do tự mình quán sát mà chẳng tuân theo người nào khác, quán ngộ lý của 12 Nhân Duyên mà đắc Đạo.
Tôn Hình: Thân màu vàng, dựng lòng bàn tay trái, hướng tâm chưởng ra ngoài. Tay phải cầm góc áo cà sa.

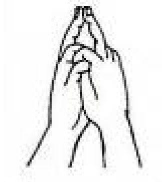


Mật Hiệu là: **Thanh Lương Kim Cương.**
Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖪𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖪𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

3_ Luân Bức Tích Chi Phật (Nemi-pratyeka-buddha):

Nemi-pratyeka-buddha lại xưng là Luân Phúc Tích Chi Phật, Luân Bức GIả, Luân Phúc Giả. Là một trong 4 vị Duyên Giác thuộc Thích Ca Viện.

Tôn này do quán sự luân hồi của 12 Nhân Duyên mà có tên gọi.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt **tồi phá chúng sinh** của Đức Phật

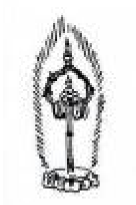
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm góc áo cà sa, tay phải nắm quyền để ngang ngực, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.



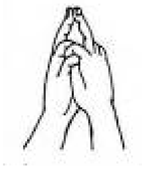
Mật Hiệu là: **Tồi Chướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖪𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖪𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

33_ Bảo Bức Tích Chi Phật (Ratna-nemi-pratyeka-buddha):

Ratna-nemi dịch âm là La Đát Na Nỉ Nhĩ. Trong đó **Ratna** là báu, **Nemi** là căm xe. **Ratna-nemi** có nghĩa là Luân Bảo Viên Mãn

Ratna-nemi-pratyeka-buddha là một trong 4 vị Duyên Giác thuộc Thích Ca Viện.

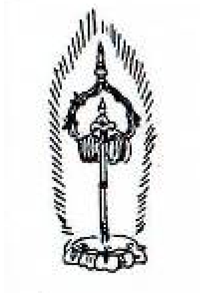
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, hiển hình Như Lai, tay phải hướng lòng bàn tay ra ngoài để ngang ngực. Tay trái cầm hai góc áo cà sa để dưới rốn, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.



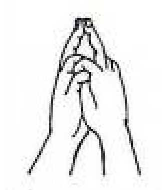
Mật Hiệu là: **Viên Tịch Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖪𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖪𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

5_ Xá Lợi Phất (Śāri-putra):

Śāri-putra dịch âm là Xá Lợi Phất Đa, Xá Lợi Phất La, Xá Lợi Phất Đát La, Xá Lợi Phất Đa La, Sa Lợi Phú Đa La, Sa Lợi Phất Đát La, Xá Lợi Phất Đa La. Dịch ý là Thu Lộ Tử , Cù Dục Tử. Phạn Hán cùng dịch là Xá Lợi Tử, Xá Lê Tử. Ngài là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, do Trí Tuệ vượt hẳn mọi người trong Chúng nên được tôn xưng là bậc **Trí Tuệ Đệ Nhất.**

Xưa dịch là **Thân Tử** tức đã sai lầm đem chữ **Śāri** (loài chim Xá Lợi) dùng thành chữ **Śarīra** (thân thể)

Tiếng Phạn **Putra** dịch ý là đức con (tử). Mẹ của Ngài là nữ luận sư Bà La Môn ở tại thành Vương Xá của nước Ma Già Đà, lúc sinh ra thời dùng con mắt của loài chim Xá Lợi, nên có tên gọi là Xá Lợi. Do đó tên gọi Xá Lợi Phất tức là đứa con của bà Xá Lợi. Tên gọi riêng của Ngài là Upatīsya, dịch âm là Ưu Ba Để Sa, Ưu Ba Đề Xả, Ưu Ba Đế Tu… Dịch ý là Đại Quang (Ánh sáng to lớn) tức theo cha mà có tên gọi này.

Thuở ấu thơ, Xá Lợi Phất có hình mạo đoan nghiêm, tu tập các kỷ nghệ, thông hiểu bốn bộ **Phệ Đà** (Veda). Năm 16 tuổi đã có thể ngồi luận nghị khuất phục người khác khiến cho con em giòng Quý Tộc phải quy phục.

Từ nhỏ Xá Lợi Phất đã kết bạn với Mục Kiền Liên và cùng nhau theo vị Thầy Ngoại Đạo là Sanjaya-vairatti-putra để học Đạo, khoảng 7 ngày 7 đêm liền quán thông Giáo Chỉ của vị ấy và được 250 người trong chúng Hội tôn làm bậc Thượng Thủ. Nhưng Ngài vẫn cảm thấy mình chưa thực sự đạt được sự giải thoát rốt ráo.

Sau này Xá Lợi Phất được Tỳ Khưu **Mã Thắng** (Aśvajit) tuyên nói Pháp **Nhân Duyên** (Hetu-pratyaya) nên hiểu ngộ chút ít liền cùng với Mục Kiền Liên kéo theo Đồ Chúng quy y Đức Phật Đà.

Khi đắc quả A La Hán, Xá Lợi Phất thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh và trọn đời nêu gương sáng cho Đồ Chúng noi theo.

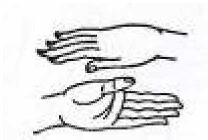
Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt, chắp hai tay ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖮𑖸𑖝𑖲 𑖢𑖿𑖨𑖝𑖿𑖧𑖧 𑖪𑖰𑖐𑖝 𑖎𑖨𑖿𑖦 𑖡𑖰𑖨𑖿𑖕𑖯𑖝 𑖮𑖳𑖽
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

6_ Đại Mục Kiền Liên (Mahā-maudgalyāyana):
Lại xưng là Mục Kiền Liên (Maudgalyāyana), Đại Mục Càn Liên. Đại Mục Liên, Mục Liên. Tên gọi riêng của Ngài là **Câu Luật Đà** (Kolita), Câu Luật, Câu Lý Đa, Câu Ly Ca. Dịch ý là **Thiên Bão.**

Tôn này là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, được xưng là bậc **Thần Thông Đệ Nhất** hoặc **Thần Túc Đệ Nhất**.

Trước kia, Mục Kiền Liên và **Xá Lợi Phất** (Śāri-putra) đều là đệ tử của vị Ngoại Đạo Sañjaya. Sau khi quy y Đức Phật Thích Ca, hai Ngài cùng tinh tiến tu Đạo và trở thành bậc Thượng Thủ trong chúng Đệ Tử của Đức Phật và thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh.

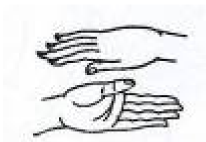
Tôn Hình: Hiện bày hình Sa Môn, thân màu thịt, tay phải nắm quyền duỗi giương ngón trỏ. Tay trái nắm góc áo cà sa, hướng mặt về bên trái, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Diệu Dụng Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VA ( ) hay HE ( )
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

7_ Ca Diếp Bà (Kāśyapa):

Kà'syapa tức là **Đại Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa). Lại xưng là Ma Ha Ca Diếp, Ca Nhiếp Ba. Dịch ý là **Ẩm Quang** (nuốt ánh sáng), là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca. Do chuyên tu hạnh Đầu Đà nên được xưng là **Đầu Đà Đệ Nhất.**

Tôn này thuộc giòng tộc Bà La Môn ở ngoại ô của thành Vương Xá. Khi quy y Đức Phật xong thì tám ngày sau liền chứng nhập vào Cảnh Địa của A La Hán.

Sau khi Đức Phật vào Niết Bàn thời Đại Ca Diếp liền triệu tập Đồ Chúng kết tập Kinh Điển lần thứ nhất tại thành Vương Xá. Cuối đời Ngài đến núi **Kê Túc** nhập định, giữ gìn Y Bát của Đức Phật chờ đến lúc Đức **Phật Di Lặc** (Maitreya-buddha) ra đời thì mới vào Niết Bàn.

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt. Tay trái nắm góc áo cà sa đưa lên ngang ngực. Tay phải giương lòng bàn tay hướng ra ngoài, ngồi trên hoa sen đỏ.



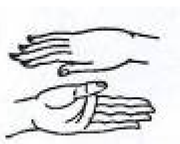
Mật Hiệu là: **Ly Trần Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE ()

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

8_ Tu Bồ Đề (Subhūti):

Subhūti lại xưng là Tô Bồ Đề, Tu Phù Đề, Tu Phù Đế, Tẩu Phù Đế Tu, Phù Đế, Tu Phong. Dịch ý là Thiện Nghiệp, Thiện Cát, Thiện Hiện, Thiệt Thật, Thiện Kiến, Không Sinh. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, dùng Trí Tuệ khéo giải **Tính Không** (Śūnyatā: tính trống rỗng) nên được xưng là bậc **Giải Không Đệ Nhất**

Tôn này nguyên là con của vị Bà La Môn tại nước Xá Vệ thuộc Ấn Độ cổ đại. Ngài có Trí Tuệ hơn người nhưng tính rất ác liệt, tràn đầy sân hận. Do thân hữu chán ghét nên rời khỏi nhà vào rừng núi đi theo Đạo của Sơn Thần. Khi đến chỗ Đức Phật

ngự, được nghe Đức Phật nói về tội lỗi của sự sân hận nên Ngài tự trách mình và sám hối lỗi lầm. Sau này được quả Tu Đà Hoàn, lại chứng quả A La Hán.

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt. Tay trái nắm góc áo cà sa đưa lên ngang vai. Tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ.



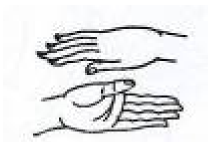
Mật Hiệu là: **Vô Tướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖮𑖸𑖝𑖲𑖢𑖿𑖨𑖝𑖿𑖧𑖧 𑖪𑖰𑖐𑖝 𑖎𑖨𑖿𑖦 𑖡𑖰𑖨𑖿𑖕𑖯𑖝 𑖮𑖳𑖽

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

9_ Ca Chiên Diên (Kātyāyana):

Kàtyàyana lại xưng là Ma Ha Ca Chiên Diên (Mahā-katyāyana), Ma Ha Ca Đa Diễn Na, Ma Ha Ca Để Gia Dạ Na, Ma Ha Ca Chiên Diên. Hoặc xưng là Đại Ca Chiên Diên, Ca Chiên Diên. Dịch ý là Đại Tiễn Dị Chủng Nam, là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Ca Chiên Diên là người của nước **A Bàn Đề** (Avanti) thuộc Tây Ấn Độ. Giòng Tộc với nhân duyên xuất gia quy y Phật của Ngài thì có nhiều thuyết khác nhau.

Căn cứ vào Kinh **Phật Bản Hạnh Tập, quyển 31, phẩm Na La Đà xuất gia** thời **Ca Chiên Diên** là con thứ hai của vị Bà La Môn **Đại Ca Chiên Diên** ở tụ lạc **Tiển Hầu Thực**, tên gọi của Ngài là **Na La Đà** (Nālaka). Thoạt tiên Ngài vào trong núi **Tần Đà** thuộc khu vực lân cận của thành **Ưu Thiền Gia Ni** theo ông ngoại là Tiên Nhân **A Tư Đà** học tập giáo nghĩa của Phệ Đà (Veda). Sau khi tiên **A Tư Đà** nhìn thấy tướng tốt trang nghiêm của Thái Tử **Tất Đạt Đa** lúc mới sinh ra và dự đoán ngày sau vị này sẽ thành Phật cho nên khi mệnh chung tiên A Tư Đà đã để lại lời nhắn khuyên Ca Chiên Diên nên lễ Đức Thích Tôn làm Thầy.

Sau khi Ngài xuất gia, quy y Phật xong thời tùy theo họ chính mà xưng là **Đại Ca Chiên Diên**. Ngài siêng năng tu hành chẳng biếng trễ nên chứng được quả A La Hán.Khi Đức Phật diệt độ, Ngài vẫn còn sống và thuận theo việc giáo hóa, luận chiến với nhóm Ngoại Đạo.

Ở trong chúng Đệ Tử của Đức Phật thời Ngài được tôn xưng là bậc **Luận Nghị Đệ Nhất.**

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, dựng lòng bàn tay phải, co ngón vô danh ngón út. Tay trái cầm góc áo cà sa để trước ngực, ngồi trên tòa lá sen.



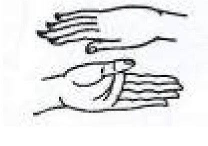
Mật Hiệu là: **Biện Tài Kim Cương** , hoặc **Dũng Tuyền Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

10_ A Nan (Ānanda):

A Nan xưng đầy đủ là **A Nan Đa** (Ānanda). Dịch ý là Hoan Hỷ, Khánh Hỷ, Vô Nhiễm. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca

A Nan là em họ của Đức Phật Thích Ca, sau khi xuất gia hơn 20 năm thì làm Thị Giả theo hầu Đức Phật, khéo ghi nhớ. Đối với các Pháp do Đức Phật tuyên nói thì Ngài thường nhớ tụng chẳng quên cho nên được xưng là **Đa Văn Đệ Nhất**

A Nan có dung mạo đoan chính, mặt như trăng đầy, mắt như hoa sen xanh, toàn thân sáng trong như gương sáng. Cho nên tuy đã xuất gia nhưng hay gặp phải phụ nữ dụ dỗ, tuy nhiên Ngài giữ vững ý chí, cuối cùng vẫn bảo toàn được Phạm Hạnh.

Khi Đức Phật còn tại Thế thì A Nan chưa thể khai ngộ. Lúc Đức Phật nhập diệt thời Ngài buồn thảm khóc rống lên. Sau khi được Ma Ha Ca Diếp răn dạy thì Ngài bực tức mới dụng công để khai ngộ. Trong hội Kết Tập Kinh Điển đầu tiên thời Ngài được tuyển chọn làm người đọc tụng Kinh Văn. Đối với việc truyền giữ Kinh Pháp thời Ngài có công rất lớn

Thời kỳ đầu, Di Mẫu của Đức Phật là **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** (Mahāprajāpatī: Đại Ái Đạo, Đại Thế Chủ) muốn nhập vào Giáo Đoàn thì A Nan rất ủng hộ và tích cực cầu xin Đức Phật cho phép. Cuối cùng nương vào sự cho phép của Đức Phật mà Giáo Đoàn **Tỳ Khưu Ni** (Bhikṣunī) được thành lập, cho nên công của Ngài rất lớn

Sau khi Đức Phật nhập diệt khoảng từ 20 năm đến 25 năm thì A Nan thị tịch trên giòng sông Hằng.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, chắp tay ngồi trên lá sen.



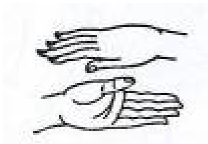
Mật Hiệu là: **Tập Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

11_ Ưu Bà Lợi (Upāli):

Upāli lại xưng là Ưu Bà Ly, Ổ Ba Ly, Ưu Ba Ly, Ưu Ba Lợi. Dịch là Cận Thủ, Cận Chấp. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Ưu Bà Lợi xuất thân từ giai cấp Thủ Đà La (Sudra), là thợ hớt tóc trong cung đình. Khi Đức Phật Đà thành Đạo 6 năm thời 7 người thuộc nhóm Vương Tử **bạt Đà, A Na Luật, A Nan** … xuất gia. Lúc đó Ưu Bà Lợi cũng tùy xin xuất gia chung

Sau khi xuất gia, Ưu Bà Lợi tinh tiến giữ gìn Giới Luật, tu trì nghiêm mật nên được tôn xưng là bậc **Giới Luật Đệ Nhất.**

Trong Hội kết tập Kinh Điển lần thứ nhất thời Ngài được chọn làm vị tuyên đọc Giới Luật và **Luật Tạng** do Ngài kết tập đã được lưu truyền cho đến ngày nay.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, ngồi trên lá sen.



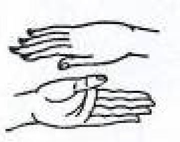
Mật Hiệu là: **Thi La Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

12_ Câu Hy La (Kauṣṭhila):

Câu Hy La lại xưng là **Ma Ha Câu Hy La** (Mahā-kauṣṭhila), Ma Ha Câu Sắt Chỉ La, Câu Sắt Để La. Dịch ý là Đại Tất, Đại Đỗ Trì, Đại Thắng. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Sau khi theo Đức Phật Đà xuất gia thời Câu Hy La đắc quả A La Hán, chứng được lý **năm Uẩn đều trống rỗng** (Ngũ Uẩn giai Không) cho nên xưng là **Ngộ Không.**

Kinh **Tạp A Hàm, quyển 12** ghi rằng: "Khi Câu Hy La ở tại núi Kỳ Xà Quật thời Xá Lợi Phất đi đến hỏi về nghĩa của 12 Nhân Duyên, Câu Hy La mỗi mỗi trả lời. Xá Lợi Phất khen ngợi Ngài đã đạt rõ Trí Tuệ, khéo điều thuận không có sợ hãi như viên ngọc vô giá trên đỉnh đầu"

Kinh **Tăng Nhất A Hàm, quyển 3 , phẩm Đệ Tử** ghi nhận Ma Ha Câu Hy La có đủ 4 Biện Tài.

Kinh **Tạp A Hàm**: quyển 9, quyển 10, quyển 14 cùng với các Kinh Trung **A Hàm**: quyển 7, Kinh **Câu Hy La:** quyển 58, Kinh **Đại Câu Hy La…** cũng ghi chép việc luận Pháp giữa Câu Hy La và Xá Lợi Phất. Có điều sự tích **về cuộc sống của Ngài thì chẳng rõ.**

Ngoài ra, ở Kinh **Soạn Tập Bách Duyên,** quyển 19**; Đại Trí Độ Luận** quyển 1**; Hữu Bộ Tỳ Nại Gia Xuất Gia Sự,** quyển 1, quyển 2 đều nói Câu Hy La tức là Trường Trảo Phạm Chí, cậu của Xá Lợi Phất.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, tay trái cầm góc áo cà sa, ngồi trên lá sen.

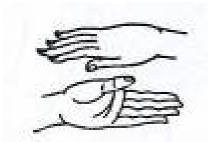


Mật Hiệu là: **Ngộ Tính Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖮𑖸𑖝𑖲𑖢𑖿𑖨𑖝𑖿𑖧𑖧 𑖪𑖰𑖐𑖝 𑖎𑖨𑖿𑖦 𑖡𑖰𑖨𑖿𑖕𑖯𑖝 𑖮𑖳𑖽
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

13_ Trí Câu Hy La Bồ Tát (Jñāna-kauṣṭhila):
Tôn này chủ về Đức đặc biệt **Tinh Tiến** của Đức Phật. Tay cầm hoa sen chưa hé nở biểu thị cho sự Từ Hộ nuôi nấng hạt giống Tâm Bồ Đề của chúng sinh.
Tôn Hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại, trong lòng bàn tay cầm hoa sen chưa hé nở, ngồi ngay thẳng trên lá sen.



Mật Hiệu là: **Chính Viên Kim Cương,** hay **Túc Tuệ Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở, hoặc hứng hoa.



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

14_ Cúng Dường Vân Hải (Pūja-megha-sāgaraḥ):

Pūja-megha-sāgaraḥ dịch âm là Bố Nhạ Mê Già Sa Kiệt La, dịch ý là biển mây cúng dường (cúng dường vân hải)

Tôn này biểu thị cho việc cúng dường khắp tất cả, rộng làm Phật Sự.

Tôn Hình: Hiện hình Sứ Giả, hai tay cầm lá sen, trên lá để hoa sen, quỳ ngồi trên tòa lá sen. Hoặc cầm cái mâm vàng, trên mâm chứa đầy hoa.



Mật Hiệu là: **Phổ Phú Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KHAṂ ( ) hay PU ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYO VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ KHAṂ UDGATE SPHARA HĪMAṂ GAGANAKAṂ SVĀHĀ

CHỦNG TỬ, THỦ ẤN, CHÂN NGÔN CỦA THÍCH CA MÂU NI PHẬT

_Chữ chủng tử là: BHA (𑖥), BHAḤ (𑖥𑖾), BHRŪṂ (𑖥𑖿𑖨𑖳𑖽)

.) BHA (𑖥): là tất cả Pháp **Hữu** chẳng thể đắc. Do tất cả Hữu là 3 Hữu cho đến 25 Hữu nên BHA biểu thị cho nghĩa **Được Tự Tại trong các Hữu** , thường hay phá nát các Pháp ***dời đổi*** (thiên biến) hiển lộ Pháp Tự Tại. Vì thế BHA còn biểu thị cho **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā) là phương cách trong đó công hạnh tu tập 6 Độ được chuyển sang để giác ngộ kẻ khác. BHA biểu thị cho Ứng Hóa thân là ***Sinh Thân*** Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương Bắc, hiển thị mọi giáo nghĩa giúp chúng sinh vượt ra khỏi nhà lửa của Tam Giới. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni Phật còn được xưng tán là PHÁ HỮU PHÁP VƯƠNG

.) BHAḤ (𑖥𑖾): biểu thị cho nghĩa đã chứng đạt viên mãn Pháp của chữ BHA

.) BHRŪṂ (𑖥𑖿𑖨𑖳𑖽): được kết hợp bởi bốn âm tự là BHA, RA, Ū, MA. Trong đó

BHA (𑖥): biểu thị cho **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā) là phương cách trong đó công hạnh tu tập 6 Độ được chuyển sang để giác ngộ kẻ khác

RA (𑖨) là tất cả Pháp **Lìa bụi nhiễm**. Do hay phá nát sự nhiễm ô của 6 Trần hiển lộ sự thanh tịnh vô cấu nên RA được biểu thị cho **Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhāna-pāramitā) là ý chí hành 6 Độ để giác ngộ kẻ khác.

Ū (𑖄) là tất cả Pháp **Tổn giảm chẳng thể đắc**. Do tất cả Pháp Hữu đều không lìa được thể Tổn Giảm nên Ū hàm chứa nghĩa **Diệu hữu chân thiện** và biểu thị cho **Lực Ba La Mật** (Bala-pāramitā) là khả năng có thể nuôi lớn 6 Độ để giác ngộ kẻkhác.

MA (𑖦) được ký hiệu thành âm tiêu (𑖽) đặt trên đầu chữ là thanh Tam Muội, biểu tượng của Trí Đại Không thường hay phá nát các Pháp **Ngô Ngã** hiển lộ Pháp **Đại Không cực thiện**. Do đó, MA được biểu thị cho **Trí Ba La Mật** (Jñāna-pāramitā) tức hiểu rõ được đặc tính của 6 Độ là phương cụ để giác ngộ kẻ khác.

Do 4 Ba La Mật: ***Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí*** xuất phát từ **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā) nên BHRŪṂ biểu thị cho một giai đoại không chứng nhập quả vị Niết Bàn mà lao vào thế gian sinh tử, thi hành vạn hạnh Đại Bi, hóa độ chúng hữu tình, hoàn thiện mọi thiện căn, chứng nhập từng phần Pháp Thân để viên mãn quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác của các vị **Bồ Tát Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika-bodhisatva).

Lại nữa:

BHA (𑖥): biểu thị cho **Ứng Hóa thân** là ***Sinh Thân*** Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương Bắc, hiển thị mọi giáo nghĩa giúp chúng sinh vượt ra khỏi nhà lửa của Tam Giới.

RA (𑖨) biểu thị cho **Báo Thân** là Sa La Thọ Vương Phật ở phương Nam, hiển thị cho sự mở bày vạn Đức, nuôi lớn Tâm Bồ Đề, viên mãn vạn hạnh Đại Bi để thành Chính Giác.

Hai chữ BHA và RA đều hàm chứa chữ A biểu thị cho Pháp Thân Đại Nhật Như Lai, biểu thị nghĩa Vạn Pháp thảy đều Bất Sinh thường trụ. Điều này có nghĩa là Hóa Thân Thích Ca ở phương Bắc (𑖥) sau khi hết hạn hóa duyên sẽ nhập vào chữ RA (𑖨) ở phương Nam là Trí **Đại Thành Pháp Thân Nội Chứng Pháp Giới**, phân chia ngọc Xá Lợi còn mọi tướng tốt đẹp của thân thể đều biến thành một chữ BHRŪṂ để nhiếp trì Chính Pháp. Tức là: ***Biến Hóa Thân vô thường quy về Pháp Thân Thường Trụ Kim Cương Bất Hoại Xá Lợi***

Như vậy, hai chữ BHA, RA là nội chứng ngoại dụng, Sinh Thân Pháp Thân, chủng tử của Lý Trí, Trí Đức Phước Đức, công đức của hai Bộ. Từ hai chữ này sinh ra hóa dụng của **Đại Trí** (Mahā-jñāna), **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa)

Ū (𑖅) là nghĩa Tối Thắng của Kim Cương, biểu thị cho Chân Thiện Diệu Hữu.

MA (𑖦) là Kim Luân Tối Thắng vạn đức trang nghiêm cụ túc viên mãn, hiển thị cho Trí Đại Không.

Do các ý nghĩa này nên BHRŪṂ được xem là chủng tử Pháp Thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

_Thích Ca Mâu Ni Phật Thủ Ấn:

.) **Bát Ấn**:

Kéo dẫn một góc áo cà sa bên tay trái và góc áo vắt trên vai khiến cho quấn qua cánh tay trái, nắm hai góc ấy như hai lỗ tai quấn nhau ngau trong lòng bàn tay trái, nắm ngay trước rốn, ngửa lòng bàn tay trái lên trên. Tay phải giống như dạng này, hướng lên trên chồng lên nhau, hai ngón cái cùng chạm nhau hơi thành vòng tròn, thành hình dạng của cái bát. Hoặc như dạng Pháp Giới Định Ấn, hai bàn tay chồng lên nhau, duỗi ló góc áo cà sa, xưng là Thích Ca Đại Bát Ấn, Bát Ấn, Như Lai Bát Ấn, là Ấn Đại Bát của Thai Tạng.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

.) **Trí Cát Tường Ấn**:

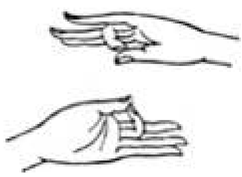
Hai tay đều tự đem ngón cái nắm dính ngón giữa thành dạng búng ngón tay (đàn chỉ), duỗi thẳng đầu các ngón còn lại. Tay trái để trước ngực, hướng lòng bàn tay lên trên. Bàn tay phải úp bên trên nhưng không không chạm nhau.

Bên trái là **Thượng Cầu** (bên trên cầu), bên phải là **Hạ Hóa** (bên dưới hóa độ). Hoặc dùng Ấn này là Ấn của Báo Thân Thuyết Pháp.

Pháp Thân Thuyết Pháp là đem ngón cái nắm ngón vô danh

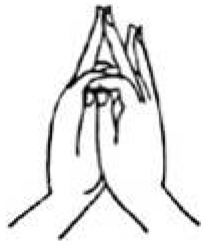
Ứng Thân Thuyết Pháp là: đem ngón cái nắm ngón trỏ, dùng nói Pháp thì xưng là Trí Cát Tường Ấn. Tức có nói Pháp tác dụng Hậu Đắc Trí, chúng sinh y theo đây có thể được đến cát tường.

Trí Cát Tường Ấn là Ấn căn bản của Đức Thích Ca Như Lai.



Chân Ngôn giống như trước.

.) **Trí Cát Tường Ấn**: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, hai ngón út bằng nhau cùng hợp một.



Chân Ngôn giống như trước.

CHÂN NGÔN CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

_Hệ Thuần Mật thường dùng câu **Thích Ca Mâu Ni Phật Bát Ấn Chân Ngôn**:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

Namaḥ samanta-buddhānāṃ: Quy Mệnh khắp cả Đấng Giác Ngộ

Bhaḥ: Chữ chủng tử của Thích Ca Mâu Ni

Sarva kleśa nursūdana: Tồi phá nhiếp phục tất cả phiền não

Sarva dharma vaśitaḥ prāpta: Tất cả Pháp được Tự Tại

Gagana sama-asama svāhā: Quyết định thành tựu Đẳng Vô Đẳng như hư không)

_**Thích Ca Mâu Ni Phật Diệt Ác Thú** (nẻo ác) **Vương Căn Bản Chú:**

OṂ NAMO BHAGAVATE DURGATE-PARIŚODHANI-RĀJĀYA TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ ŚODHANI SARVA-PĀPAṂ VIŚODHANI, ŚUDDHE VIŚUDDHE, SARVA-KARMA-ĀVARAṆA VIŚUDDHE KURU_ SVĀHĀ

Oṃ namo bhagavate durgate-pariśodhani-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya: Quy Mệnh kính lễ Thế Tôn **Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Thú Vương** Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Tadyathā: Như vậy, nói Thần Chú là

Oṃ: Nhiếp triệu

Śodhani: Thanh tịnh

Sarva-pāpaṃ viśodhani: Khiến cho tất cả tội lỗi đều thanh tịnh

Śuddhe vśuddhe: thanh tịnh, khiến cho thanh tịnh

Sarva karma-āvaraṇa viśuddhe kuru:Làm cho tất cả Nghiệp Chướng đều được thanh tịnh

Svāhā: Quyết định thành tựu

_ Thích Ca Mâu Ni Phật Tồi Tà Hiển Chính Chân Ngôn:

AMALE VIMALE NIRMALE MAṄGALE HIRAṆYA-GARBHE SAMANTA-BHADRE SARVĀRTHA-SĀDHANI PARAMĀRTHA-SĀDHANI MANAS ACYUTI BRAHMASVARE PŪRṆE, PŪRṆA MANORATHE

Amale: Vô cấu

Vimale: Ly cấu

Nirmale: Bất cấu

Maṅgale: Cát tường, cát khánh

Hiraṇya-garbhe: Bên trong Kim Tạng

Samanta-bhadre: Bên trong Phổ Hiền

Sarvārtha-sādhani: Nghi thức của tất cả nghĩa lợi

Paramārtha-sādhani: Nghi thức lợi ích tối thắng

Manas acyuti viraje: Suy tư về Định Nghiệp bên trong sự lìa các bụi dơ phiền não

Amṛte brahmasvare pūrṇe: đầy đủ âm thanh khiết tịnh bên trong sự Bất Tử

Pūrṇa manorathe: Ý nguyện mong muốn được đầy đủ

[Bản khác thì ghi nhận thêm câu VIMUKTI SUVIMUKTI SVĀHĀ ở phần cuối Chân Ngôn

Vimukti: Khiến cho Giải thoát

Suvimukti: Khéo khiến cho Giải Thoát

Svāhā: Quyết định thành tựu]

***) Thích Ca Mâu Ni Phật Tâm Chân Ngôn:**

OṂ _ MUṆI MUṆI MAHĀ- MUṆI _ ŚĀKYAMUṆĀYE _ SVĀHĀ

Oṃ: Quy mệnh

Muṇi muṇi mahā-muṇi: Tịch Mặc, tịch mặc, đại tịch mặc. Biểu thị cho sự tịch mặc của ba Thừa

Śākyamuṇāye svāhā: Quyết định thành tựu Thích Ca Mâu Ni đẳng

_**Phật nói Kinh Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật** ghi nhận Chân Ngôn này có tên gọi là **Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa Chân Ngôn**:

"Nẵng mạc xá cát-dã mâu nẵng duệ, đát tha ngã đá dã, lạt-hạt đế, tam ma dược ngật tam một đà dã. Đát nễ-dã tha: Mâu ninh, mâu ninh, ma hạ mẫu nẵng duệ, sa-phộc hạ"

NAMAḤ ŚĀKYAMUṆĀYE TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Quy mệnh Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Úng Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ: MUṆI MUṆI MAHĀ-MUṆĀYE SVĀHĀ

Đức Phật bảo Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa Chân Ngôn này. Tất cả chư Phật do đây mà được **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anuttāra-samyaksaṃbuddhi). Ta cũng do Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa Chân Ngôn này cho nên được Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề. Xưa kia có Đức Phật tên là **Thích Ca Mâu Ni Như Lai**, Ta ở chỗ của Đức Phật ấy

nghe được Pháp này. Đức Phật đó nói rằng: "***Như vậy tất cả chư Phật ba đời, do Pháp này mới được thành Phật***"

***) Thần Chú Thỉnh triệu Bản Sư Thích Ca Mâu Ni:**

Từ đóa sen lòng sùng kính trong tim con
Hỡi Đức Thầy Từ Bi! Chỗ mong cậy duy nhất của con
Hãy xuất hiện che chở con trong cơn nguy khốn
Bởi các nghiệp quá khứ và cảm xúc hỗn loạn
Như viên ngọc an trú trên đầu con, MAN ĐA LA của Đại lạc
Khơi dậy tỉnh giác và sáng suốt trong con
Xin Thầy !
OṂ ĀḤ ŚĀKYAMUṆĀYE BHRŪṂ HŪṂ (3 lần)

Con khẩn cầu Thầy: Vị chủ tể của bốn thân
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Vị chủ tể Pháp thân vô ngại
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Vị chủ tể Báo thân phước lạc
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Vị chủ tể vô lượng Ứng thân
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả các Bậc Thầy
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả các vị Trời
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả chư Phật
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả Pháp
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của Tăng Già
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả Nam Thần
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của chư Thần Hộ Pháp
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả chỗ Quy Y
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ

Hỡi Đức Bản Sư Tôn Quý của con
Xin hãy an vị trên tòa sen trong vành trăng trên đỉnh đầu của con
Xin xót thương con vì lòng bi mẫn
Cho con thành tựu về Thân, Lời, Ý
OṂ ĀḤ HŪṂ_ ŚĀKYAMUṆĀYE _ SIDDHI HŪṂ (3 lần)

BÀI TÁN 108 TÊN CỦA ĐỨC PHẬT

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh_ Truyền Giáo Đại Sư (kẻ bầy tôi là) PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Quy mệnh **Nhất Thiết Trí**
Thầy tất cả Thế Gian
Mâu Ni Đại Pháp Vương
Trăm lẻ tám (108) danh hiệu
Biển Công Đức vô biên
Đầy đủ mọi tốt lành (cát tường)
Diệt tội nghiệp, phiền não
Của tất cả Hữu Tình
Nay con quy mệnh lễ

_Nhất Thiết Đại Cát Tường
Cứu độ các quần sinh
Khiến được an vui lớn
Nay con quy mệnh lễ

_ Bi Mẫn Nhị Túc Tôn
Viên mãn nơi chúng sinh
Tất cả việc tốt lành
Nay con quy mệnh lễ

_ Vô Tướng Vô Thượng Tôn
Thành tựu Thiên Trung Thiên (Trời trong Trời)
Nghĩa Đại Minh bí mật
Như Lai Chính Đẳng Giác
Lợi lạc nơi Thế Gian
Trăm tám (108) tên tối thượng
Nay con gom tập nói
Nam mô **Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu**
Nam mô **Chính Đẳng Giác**
Nam mô **Nhất Thiết Trí**
Nam mô **Đại Thích Tử**
Nam mô **Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vô Úy**
Nam mô **Đại Kim Tiên**
Nam mô **Công Đức Hải**
Nam mô **Như Lai**
Nam mô **Ứng Cúng**
Nam mô **Thiện Thệ**
Nam mô **Thế Tôn**
Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Giải**
Nam mô **Ly Nhất Thiết Cấu Nhiễm**
Nam mô **Tối Thượng Pháp Đăng**
Nam mô **Vô ÚyTịnh Phạn Vương Tử**

Nam mô **Cam Giá Vương Chủng**
Nam mô **Cồ Đàm**
Nam mô **Nhật Tộc**
Nam mô **Cát Tường Đại Mâu Ni**
Nam mô **Lam Nghĩ La Sa Tộc**
Nam mô **Thiên Nhân Sư**
Nam mô **Thập Lực Giáng Ma**
Nam mô **Ly Quá Trừ Độc**
Nam mô **Điều Ngự Trượng Phu**
Nam mô **Diệu Giải Thoát**
Nam mô **Trừ Chướng Ám**
Nam mô **Chỉ Tức Giáng Chư Căn**
Nam mô **Thanh Tịnh Giới**
Nam mô **Vô Cấu Vương**
Nam mô **Diệt Tội Vô Ngã Tướng**
Nam mô **Vô Kinh Vô Bố Úy**
Nam mô **Đệ Nhất Pháp Viên Mãn**
Nam mô **Vô Biên Vô Khả Dụ**
Nam mô **Đại Luận Sư**
Nam mô **Hy Hữu Bất Tư Nghị Tinh Tiến**
Nam mô **Tam Giới Thân Từ Phụ**
Nam mô **Tam Minh Tri Tam Thế**
Nam mô **Diệt Tam Độc**
Nam mô **Cụ Túc Tam Biến Thông**
Nam mô **Thuyết Tam Thừa Bồ Đề**
Nam mô **Vô Tướng Diệc Vô Lão**
Nam mô **Vô Ngã Vô Nhị Chấp**
Nam mô **Vô Oán Vô Hý Luận**
Nam mô **Vô Nghiệp Vô Bố**
Nam mô **Thí Nguyện Vô Úy**
Nam mô **Sư Tử Nhị Túc Tôn**
Nam mô **Điều Phục Trừ Phiền Não**
Nam mô **Tối Thượng Ý Thanh Tịnh**
Nam mô **Minh Hạnh Túc**
Nam mô **Tự Tại Biến Hoá Vương**
Nam mô **Điều Phục Tâm Thanh Tịnh**
Nam mô **Ly Trần Vô Thượng Sĩ**
Nam mô **Chỉ Túc Nhất Thiết Tội**
Nam mô **Đắc Thanh Lương**
Nam mô **Đắc Tịch Tĩnh**
Nam mô **Cứu Độ Thế Gian Sư**
Nam mô **Dũng Mãnh Đại Thanh Tịnh Trí**
Nam mô **Viên Mãn Cát Tường Tướng**
Nam mô **Năng Trừ Oán**
Nam mô **Sa Môn Nguyệt**
Nam mô **Thích Sư Tử**
Nam mô **Tác Thiện Thanh Tịnh Nghiệp**
Nam mô **Lục Phật Pháp Trang Nghiêm**

Nam mô **Lục Căn Thanh Tịnh**
Nam mô **Đệ Nhất Lục Thần Thông**
Nam mô **Lục Thú Đáo Bỉ Ngạn**
Nam mô **Vô Sư Tự Nhiên Giác**
Nam mô **Thiện Thệ Đức Thành Tựu**
Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Vi Ái Lạc**
Nam mô **Vô Đẳng Đại Trí Tuệ**
Nam mô **Hằng Nhập Tam Ma Địa**
Nam mô **Nhất Thiết Hữu Tình Lợi Ích Chủ**
Nam mô **Chân Thật Giáng Chư Căn**
Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Tôn**
Nam mô **Phổ Biến Hữu Tình Tinh Tiến Giả**
Nam mô **Vĩnh Quá Luân Hồi Khổ**
Nam mô **Viên Mãn Chư Sở Cầu**
Nam mô **Giáng Phục Đắc Tối Thắng Thuyết Tứ Đế**
Nam mô **Đáo Bỉ Ngạn Độ Tha Đại Long Vương**
Nam mô **Đắc Tối Thượng Niết Bàn**
Nam mô **Tôn Sư Đại Phạm Hạnh**
Nam mô **Đệ Nhất Tịch Tĩnh Lạc**
Nam mô **Bí Mật Tối Thắng Đại Trượng Phu**
Nam mô **Điều Phục Thanh Văn Giả**
Nam mô **Vô Lợi Ích Chư Hữu Tình**
Nam mô **Thế Gian Cúng Dường Xuất Thế Trí**
Nam mô **Thánh Trí Chiếu Thế Gian**
Nam mô **Ly Thế Pháp Lợi Dưỡng**
Nam mô **Xuất Thế Vi Như Lai**
Nam mô **Đại Pháp Chủ**
Nam mô **Đại Pháp Vương**
Nam mô **Điều Ngự Minh**
Nam mô **Cứu Độ Đệ Nhất Nhị Túc Tôn**
Nam mô **Hành Nhẫn Nhục**
Nam mô **Thiện Ý Đoan Nghiêm Tướng**
Nam mô **Thiện Trì Thiện Giới Tướng**
Nam mô **Kim Sắc Quang Thiện Thệ**
Nam mô **Thiện Du Ái Tôn Trọng**
Nam mô **Nhân Sư Tử Cát Tường Vân**
Nam mô **Phật Đà**
Nam mô **Vô Úy Độc Trừ Ám**
Nam mô **Vô Biên Lợi Thế Gian**
Nam mô **Vô Đẳng Tam Hữu Sư**
Nam mô **Năng Đoạn Chư Kết Phộc**
Nam mô **Vô Ngã Tối Đệ Nhất**
Nam mô **Phổ Chiếu Nhất Thiết Nhãn**
Nam mô **Chứng Lý Tịnh Tuệ Nhãn**
Nam mô **Tam Tuệ Chân Thật Nhãn**

Một trăm lẻ tám (108) tên như vậy. Nếu lại có người vào lúc sáng sớm, phát Tâm chí thành, hoặc đọc tụng, hoặc lễ niệm, hoặc nhớ giữ, hoặc lắng nghe sẽ đạt được

Phước Đức tốt lành tối thượng, hết thảy tất cả phiền não với các nghiệp tội...mau được trong sạch, chẳng thọ nhận luân hồi, sẽ được giải thoát cho đến thành Phật.

_ Tên **Công Đức Đại Mâu Ni** này
Nay Con đọc tụng với lễ niệm
Đem khắp hồi thí cho quần sinh
Đồng được chứng thành Bồ Đề Quả

BÀI TÁN 108 TÊN CỦA ĐỨC PHẬT
Hết

THÍCH CA MÂU NI PHẬT SÁM NGUYỆN

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con lìa hẳn ba nẻo ác

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con luôn hiểu thấu Phật Pháp

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con mau dứt tâm tham lam

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con xa lìa sự giết hại

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con an nhẫn không oán giận

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con tinh tiến lìa lười biếng

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con định tĩnh trừ tán loạn

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con sáng suốt diệt ngu si

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con mau chứng đạt Thánh Trí

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con chẳng thoái Tâm Bồ Đề

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con rộng độ các chúng sinh

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con mau chóng thành Phật Quả

08/06/2013